

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BỐT:

ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN:

VIÊN LINH

20-7

QUÁCH THOẠI (1930 - 1957)

những buổi chiều việt nam

Tôi đã đi trên những buổi chiều
Những buổi chiều của quá khứ
Rất cô liêu
Và mưa gió rất nhiều
Trên những buổi chiều Việt-Nam
Bất thân yêu
Của ngày nay
Tôi cũng đang đi đây
Ôi đường dài xơ xác
Lá vàng heo may
Bóng dáng xanh xao
Những em bé ăn mày
Những người anh
Máu chảy cả đôi tay
Chiều chiến tranh
Những mẹ già run sợ
Vị tiếng súng cối xay
Đêm sắp tới rồi
Người ta đang giết nhau quá mê say
Tôi rất nhớ

Đến những phút chiều
Trên ngọn Hồng Lĩnh
Xa xa ở phía Tây
Ngoài kia vùng Bắc Việt
Nơi kẻ thù tôi
Và đồng bào tôi
Đang giết nhau
Ôi còn gì đón đau
Loang lổ rồi trốn nhau
Chiều về hấp hối
Trên Nhị Hà chảy máu
Kia Cầu Long Giang cuốn cuộn máu
Giòng Hương đã đổi màu
Chiều về
Biết đâu mà nương náu
Quê hương tôi
Cờ đỏ lối thay nhau
Tôi khóc đây rồi
Chiều về lạc lối
Những giây thép gai

Loài người tôi chia làm hai
Buồn hơn cả
Một tiếng thở dài
Sâu hơn cả
Một tiếng bi ai
Chiều ! Chiều !
.....
Ôi những buổi chiều Việt Nam
đón đau
Hàng triệu kẻ gục đầu
Quần quai phơi thây
Kêu gào la khóc
Trong chế độ đỏ ngầu
Hỡi ôi
Đất nước chia đôi
Nam Bắc hai đầu
Nhìn nhau mà ruột đứt
Tang thương này
Còn mãi đến bao lâu...
..... >

VIÊN LINH
mười sáu năm

THANH TẠM TUYẾN
nói và viết

CAO HUY KHANH
thí nghiệm một nhà văn

63
thứ năm 23-7-70

ÂM BÀN

42

Nói.

Ngày trước văn chương phải «nói lên được một cái gì». Ngày nay văn chương chán «nói lên cái gì», bên nói cái-không-đi-cái-gi, nói-cái-không-thể-nói, cái-không-thể-nghe. Nhưng trước hay nay, văn chương vẫn phải nói.

Viết để mà nói. Anh có thấy đáng buồn cười không? Tại sao muốn nói không nói, lại viết? Tôi nghĩ rằng người ta cho đến bây giờ vẫn nuôi ảo tưởng viết là hành động. Nói chỉ là tác động. Viết là tạo một tiếng nói, không chỉ khu vực chốc lát ở một nơi chốn nhất định, một tiếng nói xóa nhòa cả người nói lẫn người nghe. Một tiếng nói muốn thoát lên khỏi mở tiếng động thường nhật, một tiếng nói không chịu biết thân phận tự cho mình nhiều quyền uy phi thường.

43

Dù cho có nói: tôi viết để biết tại sao tôi viết, cũng vẫn là ngầm bảo viết là một cái gì ghê gớm lắm đối với tôi, trong khi mọi cái gì khác đều đã hết ghê gớm.

Có quả thật viết là một hành vi ghê gớm lắm không?

44

Anh hãy thử thí nghiệm như Svevo xem. Anh hãy tìm những người chịu ngồi nghe anh nói những điều anh định viết và anh nói, nói đi, nói hết, sửa chữa trong khi nói anh sẽ thấy anh say sưa, sung sướng hơn viết nhiều. Ham nói như Svevo, anh sẽ hết ham viết. Nói, nói mới thật là trút hết. Anh thử xem. Tác phẩm mang nói hay hơn viết nhiều. Lúc ấy thật là văn chương; lời xuôi chảy, tan nát, nối kết, niu kéo, đầy cao, chìm thấp rồi thoảng bay. Chẳng còn gì. Còn lại những âm ba của những lúc.

Các nhà văn lớn đều là những kẻ lảm nhảm, mồm miệng, nói hoài không biết chán. Không có ai để nói với thì nói một mình. Nói và thăm thía sự phân cách, ly tán từ mỗi lời.

Nhà văn: một sản phẩm đặc Tây. Hội họp, ngồi lê đôi mách, thảo luận, tranh luận, bút chiến, bút ký, nhật ký, thư từ... này nọ đủ điều. Anh thử đọc lại nhật ký của các nhà văn. Đó là những quyền sách tẻ nhạt nhất, những quyền sách được sinh ra để bảo vệ cho những quyền sách.

45

Chẳng bao giờ người ta thành thật nghĩ: Nói lào mà chơi nghe lào chơi... Chỉ bởi người ta viết chữ không nói.

46

Có một thời người ta thích viết câu: tác phẩm nói lên... Người ta không chịu hiểu chỉ văn chương là thể. Người ta muốn mọi sự đều là thể. Văn chương xâm lăng thơ, ngập nghệ xâm lăng các nghệ thuật khác. (Tôi nhớ có đọc một quyền sách nói về nhạc dẫn thân do ông Jean Paul Sartre để tựa. Hết sức khôi hài. Henri Lefebvre đã chê; khiếm khuyết lớn nhất của Marx là không biết nghe nhạc. Sartre thì thủ nhận mình mù tịt). Người ta bịa ra đủ thứ ngôn ngữ: ngôn ngữ hội họa, ngôn ngữ âm nhạc, rồi đến cả ngôn ngữ của thời trang... Anh không nên lạ khi bây giờ khoa ngữ học đang nổi như cồn.

Cái gì cũng nói cả. Văn chương trùn lạp mọi thứ. Cái gì cũng nói hóa nên chẳng nói gì cả hay chỉ nói có mỗi một điều cũng thế. Chỗ này là anh triết lý chơi khăm anh nhà văn. Vô ngôn ăn ngữ, bất khả tư nghị vân vân và vân vân.

Anh cứ nói, nói chán chê đi. Rồi cuộc anh chỉ khu vực rộn như mọi tiếng động xung quanh. Những tiếng động buổi hoàng hôn kinh hãi. Hay một buổi sáng tuyệt không bóng người.

THOISU

nghe thuật

LỊCH SỬ

CHIẾN TRANH LẠNH

«Lịch sử chiến tranh lạnh» là tựa một cuốn sách biên khảo do giáo sư Lê Thanh Hoàng Dân, Giáo sư Chánh trị học trường Sư phạm Saigon, dịch từ nguyên tác Histoi de la Guerre froide của André Fontaine. Sách dày 350 tr, do nhà xuất bản Kỳ Nguyên ấn hành, đã phát hành trong tuần qua.

Những ai muốn biết tại sao mình phải chống cộng, tại sao mình không thể tin tưởng nơi Tây phương, tại sao mình cần Hòa bình, và nếu trung lập thì trung lập như thế nào, hãy chịu khó bỏ 380 tỉ... sẽ rõ tất cả.

Ngoài ra, Lê Thanh Hoàng Dân cũng đang cùng viết với Trần Hữu Đức cuốn Tâm lý Nhi Đồng và cũng do Kỳ Nguyên xuất bản ngày gần đây. Hồi này coi bộ Kỳ Nguyên chịu hoạt động lại rồi!

THƠ TÌNH

CỦA MỘT THI SĨ VN

TRÊN ĐẤT MỸ

TÁI BẢN

Trước đây Khởi Hành đã loan tin đem đọc thơ và phát hành tập thơ Phương Tấn tại Mỹ. Nay tác giả và tập thơ đã về đến Việt Nam, và «Thơ tình của một thi sĩ VN trên đất Mỹ» của Phương Tấn đã được Người trẻ Việt Nam tái bản tại VN.

Ngoài ra chúng tôi còn được biết, Người trẻ Việt Nam sẽ lần lượt ấn hành: «Lâm lĩnh V.N. trên đất Mỹ (Nhật Ký) Phan thị Hoàng Anh (thơ viết sao ngày trở về V.N.). Đồi bằng hữu và 2 mẹ con (thơ viết trước năm 20 tuổi) Thiệu tháng (truyện dài) Giữa chiếc Quan tài trống (thơ) Việt Nam cùng đau khổ (tiểu luận) Đà Nẵng sa đọa và nước mắt (Ký sự), tất cả đều của tác giả Phương Tấn. Nghe nói ba tác phẩm sau của Phương Tấn bị Sở Phối Hợp Nghệ thuật «phối» khôn cho phổ biến!?

QUÊ NGƯỜI

CỦA DƯƠNG NGHIỆN MẬU

Đạo gần đây nhà văn Dương Nghiễm Mậu có vẻ thận trọng dữ nên viết có hơi chậm. Cách đây mấy tháng anh có đưa cho Văn tập truyện Ngã Đạn trong túi sách Văn Uyên. Và bây giờ anh mới phát hành «Quê Người» do nhà xuất bản Văn Xá, cũng do chính anh đứng «lâm đầu bếp». Hẳn là «Quê Người» họ Dương thích lắm nên mới «xào nấu» tại nhà.

ĐÊM THƠ NHẠC

DO NHÓM TẠP CHÍ

NHÌN MẶT TỒ CHỨC

Trong tháng 6 1970 vừa qua nhóm tạp chí NHÌN MẶT do 2 anh Đặng Hòa, Trần Hoài Thư chủ trương đã tổ chức một đêm thơ, nhạc nhân dịp phát hành Nhìn Mặt số 3 tại đây.

Đêm thơ, nhạc qui tụ một số đồng anh em như: Lương Thái Sĩ, Nguyễn Nguyên Phương, Lưu Hoàn, Trần Dza Lữ, Hồ Đắc Ngọc, Đặng Hòa, Trần Hoài Thư, Đặng Trình, Phạm Văn Nhân, Phạm Thế Mỹ, Nguyễn Thị Thùy My, Cao Xuân Liên... Địa điểm tổ chức được khơi sự tại quán Tre lúc 19g 30. Lúc này phong trào đọc thơ đang được bành trướng mạnh tại các tỉnh miền Trung. Ngoài phần thơ để chương trình được liên tục, các các ca sĩ tại đây cũng thay phiên nhau lên trình bày những sáng tác của Trịnh công Sơn, Đỗ Lễ, Vũ thành An. Mặc dù chương trình không có dàn đệm (không ai biết đánh đàn) nhưng các chị vẫn được một số đồng khán thính giả ở đây hoan hô nhiệt liệt. Chương trình đến lúc anh Nguyễn Nguyên Phương cầm micro thì cảnh sát tràn vào tỉnh hốt sách. Anh em phải giải tán chung với số khác gần 500 người. Trường hợp này xảy ra rất thường xuyên ở mỗi cuộc tổ chức cho nên chúng ta khỏi phải nói gì thêm ở đây. Hiện nay nhóm N.M có vài cuốn băng ghi âm khá đầy đủ ở các nơi đọc thơ. Anh em nào muốn mượn nghe hoặc sang băng xin đến tòa soạn liên lạc trực tiếp với 42 Trần Quý Cáp Qui Nhơn (Vũ Bội Quang Khôi ghi)

HỌA SĨ TẠ TỶ

LẠI IN SÁCH

Sau tập truyện Yêu Và Thù, anh Tạ Tỵ lại đã cho ra mắt độc giả toàn quốc một cuốn sách mới về «Thôn Mắt Văn Nghệ gồm Lăng Nhãn, Nguyễn Tuấn, Vũ Bằng, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bình, Đinh Hùng, Văn Cao, Sơn Nam, Mai Thảo và Nguyễn Sa.

Nhìn vào danh sách trên, chúng ta thấy đồng vui đầy đủ nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ, nhà biên khảo... vừa già vừa trẻ; vừa ở bên này vừa ở bên kia giới tuyến; nhiều người còn sống và nhiều người đã... qui tiên.

10 Khuôn Mặt Văn Nghệ là loại sách quý, biên soạn công phu, trình bày ấn loát mỹ thuật và do chính anh Tạ Tỵ hoạt họa chân dung từng khuôn mặt và sưu tầm thủ bút của mỗi Văn Nhân, Thi Sĩ.

TIN THÊM

VỀ CUỘC THI BÚT KÝ

VÀ KỊCH NGẮN

CỦA CỤC T.L.C.

Tin từ Phòng Văn Nghệ Cục Tâm Lý Chiến cho biết thêm: hai cuộc thi Bút Ký Chiến Đấu và Kịch Ngắn (sẽ khóa sổ vào ngày 15-8) có thêm một đề tài mới cho các Văn Hữu và Kịch tác gia bốn phương: «Cuộc tấn công dũng mãnh của QL/VNCH vào «Cực R» trên lãnh thổ Kampuchia».

Mời độc giả KH — nhất là những bạn đã được hân hạnh tham dự hành quân Kampuchia — đóng góp tác phẩm, hy vọng sẽ có bạc xài.

ĐẶC SAN THẾ MỚI

— Đặc san Thế Mới do khóa 7 CHTM Cao cấp thực hiện đã hoàn tất. Đây là một công trình kỷ niệm 154 ngày của các vị sĩ quan cao cấp ở khắp bốn Vùng Chiến Thuật, mọi binh chủng về thụ huấn tại trường Chỉ huy Tham mưu. Đây đủ những bài vô giá trị đặc sắc, và theo như lời giới thiệu ở trang đầu là có sự hợp tác của «những cây tre di dóm — những suy tư chín mùi — những

cội rừng già dẫn — những lãnh đạo quân sự có nhiều triển vọng như : Hoàng Ngọc Bích — Nguyễn Bích Cồn — Ngô hữu Định — Lê văn Kha — Nguyễn văn Khải — Nguyễn ngọc Lan — Đoàn Mai — Lưu Ngọc Mai — Mạnh Quyết — Vũ đức Nghiêm — Nguyễn trọng Ninh — Phùng văn Quang — Phan văn Sinh — Nguyễn văn Sang — Đỗ đình Tá — Ôn Văn Tuyên hiệu Nguyễn Thanh — Ngô Hải Triều — Nguyễn như Trọng — Nguyễn văn Trụ hiệu Trần Kiều — Tô tây Pha — Thọ Lân — Tú Già — Tú Độ — Tú Róm — Đỗ Gân — Cu Đạo — Nguyễn hữu Đồng — Trần văn Tâm.

Đặc biệt chú nhiệm của đặc san Thép Mới là Đại tá bốn bảo chủ nhiệm và dĩ động hơn nữa Thiếu tá Tô kiều Ngân làm thầy cô !

CÒN GÌ CHO ANH...

HÀ HUYỀN CHI

Nhà xuất bản Chiêu Dương đã bắt khá «ti» qua cuốn «Rừng Ái» của Hà Huyền Chi, nên đã «chốt» luôn cuốn «Những nụ gai mơn» cũng của tác giả này. 1 tiểu thuyết feuilleton vang ráo mực trên nhật báo Tiếng Vang.

Trong khi «Những nụ gai mơn» đang lên khuôn và sẽ phát hành trong tháng 7 này thì nhà Khai Phóng cũng cho sắp chữ tập thơ chiến đấu của Hà Huyền Chi, mang tên thơ mộng «Còn gì cho anh...» Đạo này Hà Huyền Chi hoạt động dư quá...!

ĐỀM NHẠC

TẠI AN NHƠN

Sau rầy thảng trời bùi ngùi, ao ước. Một đêm nhạc Sống được các bạn trẻ ở đây tổ chức lúc 19g30 nhân ngày khai trương café Thanh Lịch (10-7-70).

Qua phần giới thiệu của anh trưởng ban, những bản nhạc thì nhau cây hái vào lòng người, bao cánh hoa tươi mát. Khán giả mỗi lúc một đông. Khoảng trống lẫn hồi mát hắt.

Những chiếc áo lính vừa bỏ quần súng đạn bằng vài ngày phép ngắn cũng đến và tham dự vào chương trình những tâm sự vu vơ. Do đó không khí càng thêm sống động.

Nghe đâu vói dả khai thông này nhóm trẻ An Nhơn dự định tổ chức đêm đọc thơ tại đây. Mong ý định được có kết quả. (Phan hoài Thy ghi)

TÁC PHẨM

3 NĂM ÔM ẤP

Viết về mình là một việc tối kỵ. Nhưng đây là một trường hợp quá vui mừng cho người giữ mực này, không viết ra ần ức trong lòng không chịu được...

Số là 3 năm trước đây, Dương Trữ La có gom lại những truyện ngắn gọi là thích nhất dự định tự xuất bản. Tuyến tập truyện ấy mang tên là «Đất Chết»... Nhưng rồi bao nhiêu chuyện xui xẻo dồn dập tới «Đất Chết» đành nằm chết luôn cho đến hôm nay.

Vừa rồi nhờ Nguyễn Ngụ í làm mới «Đất Chết» được nhà xuất bản Trí Đăng — một nhà xuất bản mới ra — hồi tới. Hy vọng lần này «Đất Chết» thành đất sống — cho tội nghiệp tác giả một phần nào.

TÁC PHẨM THỨ 27

CỦA NHÀ CA DAO

Tháng rồi, nhà Ca dao vừa cho xuất bản tác phẩm thứ 27, đó là tập thơ của Phạm Nhuận mang tên «Mặt trời và giòng sông». Tập thơ in thật đẹp, dày ngót trăm trang, toàn giấy tốt, Gồm 28 bài thơ và đặc biệt bài Bền

Này Sông đã bị kiểm duyệt bỏ trọn bài. Ngoài ra còn những phụ bản in offset đẹp không nói được. Những bạn thích sách đẹp chắc khó bỏ qua «Mặt trời và giòng sông» của Phạm Nhuận.

CUỘC THI TRANH THIỂU NHỊ TOÀN QUỐC LẦN THỨ III

Nhơn dịp Trung Thu năm nay, Chương trình «Thế Giới của Trẻ Em» trên đài Truyền Hình do anh Lê văn Kha phụ trách, sẽ tổ chức cuộc thi tranh thiếu nhi toàn quốc lần thứ ba, được biết thêm cuộc thi năm nay sẽ có sự tham dự của các thiếu nhi Nhật Bản. Điều lệ cuộc thi như sau :

1. Các em từ 15 tuổi trở xuống đều có thể tham dự.

2. Tranh vẽ phải tự tay các em thực hiện không có sự góp sức của người lớn.

3. Cuộc thi được chia làm ba hạng như sau :

Hạng A — Dành cho các em từ 11 đến 15 tuổi.

Hạng B — Dành cho các em từ 10 tuổi trở xuống.

Hạng C — Dành cho các em từ 12 tuổi trở xuống. Và sẽ phải vẽ tại chỗ do ban tổ chức ấn định.

4. Thí sinh tham dự hạng A hoặc B có thể gửi dự thi nhiều nhất là bốn (4) bức tranh sẽ vẽ ở nhà.

5. Thí sinh tham dự hạng C chỉ được vẽ một bức tranh tại chỗ thi do ban tổ chức ấn định và thông báo sau. Giấy và màu do các em tự đem theo để dùng.

6. Kích thước tranh vẽ phải từ 30x40 trở lên.

7. Nếu ở vào tuổi ấn định ở điều ba, và nếu muốn, mỗi thí sinh có quyền tham dự hai hạng, như A và B hoặc B và C.

8. Phía sau mỗi bức tranh phải ghi rõ : Số thứ tự... Tên họ của thí sinh... Tuổi... Địa chỉ đầy đủ... Tên cha... Chức nghiệp... Tên mẹ... Chức nghiệp... Học sinh lớp... trường...

9. Mỗi thí sinh phải vẽ theo tranh dự thi một hoặc hai ảnh 4x6. Phía sau ảnh phải ghi rõ tên họ, tuổi và địa chỉ đầy đủ.

10. Một thí sinh chỉ được một giải thưởng trong mỗi hạng thi.

11. Tranh dự thi gửi về cho

LÊ VĂN HOA

Hộp thư 453

SAIGON

12. Thí sinh dự thi hạng C phải gửi đơn xin dự thi về địa chỉ ghi rõ ở điều 11, trước ngày 15 tháng 7 năm 1970 để nhận phiếu báo danh và biết ngày giờ cũng địa điểm phải đến thi.

13. Thí sinh tham dự hạng A và B phải gửi về địa chỉ ghi rõ ở điều 11, trước ngày 10 tháng 8 năm 1970.

14. Thí sinh có thể dùng bất cứ loại nào để vẽ tranh. Tranh chỉ vẽ bằng viết chì đen sẽ không được chấp nhận.

15. Đề tài tự do. Tuy nhiên ban tổ chức đề nghị các em vẽ về những gì xảy ra quanh các em như : trò chơi các em thích, gia đình của em, thầy, cô giáo của em, lớp học của em, em hót tốp, nhở rắng.....

16. Tranh gửi tham dự sẽ không được hoàn trả. Ban tổ chức dành trọn quyền sử dụng các tranh để phổ biến và cổ súy cho việc phát triển khả năng sáng tác nghệ thuật cho thiếu nhi.

17. Giải thưởng gồm có : 1 huy chương vàng, 2 huy chương bạc, 5 huy chương đồng, và 20 bằng danh dự cho mỗi hạng.

18. Ngày giờ, địa điểm phát thưởng và triển lãm sẽ được thông báo sau.

ĐẶNG TRẦN HUÂN



CHUYỆN THẬT HAY TƯƠNG TƯỢNG

Trong lãnh vực văn chương người ta thường coi tiểu thuyết là 1 truyện tưởng tượng do một tác giả nghĩ ra để kể chuyện đời. Những chuyện dựa vào sự thật được coi kỳ ức, hồi ký hay lịch sử ký sự như phê bình gia Vũ Ngọc Phan gọi nó.

Đây là ngày xưa. Còn bây giờ ranh giới giữa tiểu thuyết tưởng tượng và chuyện thực đã bị co răn như ranh giới mặt khu vực. Có tác giả cần thận ghi ngay trên đầu cuốn tiểu thuyết rằng : « Đây là một chuyện hoàn toàn bịa. Sự trùng tên nhân vật và người ngoài đời chỉ là sự ngẫu nhiên », nhưng đọc rồi ai cũng biết đó là chuyện thật. Có tác giả ghi rõ ở đầu sách là hồi ký hay tự truyện nhưng khi đọc rồi độc giả tưởng là truyện tưởng tượng vì tác giả khoe mình làm những chuyện anh hùng, ái quốc ghê gớm quá mà một người ngoài đời ít khi tài giỏi và đáng yêu quá như thế !

Trường hợp cuốn *Two Sisters* (2 chị em) của Gore Vidal do nhà Little Brown xuất bản cũng nằm trong loại nửa đời nửa chuột, giữa chuyện thực và tưởng tượng.

Chính tác giả nó cũng công nhận như thế. Ngay ở cái bìa ngoài, tác giả cho in giòng chữ : *Một tiểu thuyết dưới hình thức hồi ký*. Nhưng giờ bên trong sách tác giả lại viết một giòng chữ khác : *Một hồi ký dưới hình thức tiểu thuyết*.

Bố ai hiểu nó là cái gì.

Rồi tới nội dung cuốn sách tác giả *Hai Chị Em* tả lại cuộc đời của 2 người đàn bà được coi như thành công nhất trong những cuộc phiêu lưu của họ ở thế kỷ này. Hai người đàn bà này không được gọi tên thật trong cuốn sách nhưng ai cũng biết đó là 2 chị em Lee Radziwill và Jacqueline Onassis.

Thế mà hình như Gore Vidal vẫn sợ độc giả không hiểu. Ông phải ghi ở trang đầu sách tặng cho Nina Auchincloss Steers.

Gửi gia phả ra thì Nina chính là chị em cùng cha khác mẹ với Jacqueline Onassis và Lee Radziwill. Ngoài ra Nina cũng là chị em khác cha mẹ với tác giả Gore Vidal.

Thế thì nói toạc ra cho rồi. Còn mắc cỡ cái gì !

KHÔNG ĂN NHẬU GÌ TỚI NGHỆ THUẬT

Thực ra thì câu chuyện anh chàng C. Rockefeller, con trai nhà tỷ phú Rockefeller và là thông đốc tiểu bang New York lấy vợ chẳng ăn nhậu gì đến nghệ thuật, hay văn hóa cả. Ấy là theo nghĩa hẹp. Chứ suy rộng ra thì câu chuyện đó được liệt kê vào thời sự văn hóa cũng được vì nó làm các nhà báo đã vất vả vì nó, nhờ nó mà báo có thêm đề tài khai thác, thêm độc giả.

Cái lý do khai thác câu chuyện hôn nhân này chỉ vì vợ của con trai ông thống đốc không thuộc hàng danh gia quý tộc mà lại chỉ là người làm công của gia đình Rockefeller. Báo chí Mỹ lúc đó có vẻ chán cuộc hôn nhân này lắm.

Họ không thể quan niệm rằng cô Anne Marie, người Na Uy, một thứ cô sen của gia đình Rockefeller lại có thể nhảy lên trở thành con dâu của ông này được.

Thời gian qua, hai vợ chồng sống với nhau được 11 năm, có ba mặt con. Rồi bây giờ đem nhau sang Juarez (Mê Tây Co) để bỏ nhau vì không hợp nhau.

Báo chí Mỹ lần này chắc hẳn há há nhé ? Khai thác đi !

THÊM SÁCH BÀN TÁN VỀ NHỮNG CHUYẾN NGUYỆT DU

Hai nhà xuất bản Doubleday và Houghton Mifflin vừa cho phát hành 2 cuốn sách liên quan tới những chuyến du hành lên mặt trăng.

Cuốn thứ nhất của tập thể 3 tác giả Hugo Young, Bryan Silcock và Peter Dunn dày 302 trang, giá 7,95 đô la mang tên *Journey to Tranquility* (Đi vào vùng yên lặng).

Cuốn thứ hai của tác giả Brian O'Leary, 243 trang, mang tên *The Making of an Ex-Astronaut* (Sự đào tạo một cựu phi hành gia) bán 5,95 Mỹ kim.

Qua hai cuốn sách người ta biết đã có nhiều khoa học gia tham thử về sự tồn kém của chương trình Apollo làm cho nhiều chương trình khoa học khác phải bỏ dở hoặc chậm trễ. Bác sĩ Warren Weaver, cố vấn khoa học của tổ chức Alfred. P. Sloan, cho rằng những thí bực chi phí cho chương trình Apollo có thể dùng để tăng lương 100/o cho tất cả các giáo viên đại học, tiểu học tới các giáo sư đại học trên toàn thế Mỹ Quốc, trong thời hạn 10 năm. Cựu Tổng thống Eisenhower cũng chẳng hài lòng về chương trình này.

Tác giả O' Leary thì than phiền chương trình không gian của Mỹ nhằm về quân sự hơn là thuần túy khoa học.

Tuy nhiên, O' Leary lại khen chương trình Apollo tương đối tốn kém ít tiền. Ông viết : « Thám hiểm không gian cũng chỉ tốn bằng chi phí cho 6 tuần lễ chiến tranh tại Việt Nam, rẻ hơn thực hiện một hệ thống chống hỏa tiễn liên lạc địa rất vô dụng, và chỉ tốn bằng lợi 5% ngân sách quốc phòng hàng năm của Mỹ.



SÁCH BÁO MỚI

NHẠC TIỀN CHIẾN. — Tuyển tập nhạc do Kế Sĩ xuất bản, phần tuyển chọn do Đỗ kim Bàng : Hoàng Nguyên viết tựa, Lê Thương viết bạt. Bìa và phụ bản offset của Nguyễn Khai. Non trăm trang lớn, giá 320 đ. với 18 bài nhạc tiêu biểu.

Một tuyển tập nhạc công phu và đứng đắn, trình bày mỹ thuật, những người yêu nhạc và yêu sách đẹp không thể bỏ qua. Ngoài 18 bản nhạc hay, còn bài tựa rất giá trị và bài bạt (như một, biến khảo) chính xác của hai nhạc sĩ Hoàng Nguyên và Lê Thương.

TIẾNG NÓI 43. — Nội san Trung Đoàn Xung Kích 43. Chủ Nhiệm : Tr/Tá Nguyễn Bá Mạnh Hùng — Chủ bút : Tr/Tá Lê Xuân Hiếu và TKTS Th/Tá Cao Xuân Lê.

Báo Ronéo nhưng bài viết chọn lọc, nhất là vẽ đẹp.

GIÁO DỤC. — Độc san của Ty Tiểu Học Ba Xuyên. Chủ nhiệm : Ô : Trần văn Hiền — chủ bút : Ô : Đặng Tấn Hiền. Chủ Biên : Ô : Đặng văn Hiền (Lan Sơn Đai)

Một công trình biên soạn tốt đẹp

MƯỜI SAU NĂM

MẸ TÔI, như những người đàn bà già cả khác, lúc chớm thấy bóng đời chạng vạng, mấy tháng trước đây đã dồn đảo chạy mà trước lấy ba thước đất để đợi ngày nằm xuống, trong nghĩa trang của một hội tương tế họ. Mười sáu năm sau cái Hội Nghị bên một bờ hồ xanh biếc xa vời, người đàn bà xứ Ngõ là bà đã không còn một chút hy vọng nào nữa về cái ngày trở lại quê cha đất tổ. Chút hy vọng vài năm sau này còn le lói vốn kháng kháng cả tin lúc mới vào Nam, là bất quá năm năm, thế nào cái quan Việt Minh cũng bị đánh đổ. Rồi mẹ con ta lại trở về quê cũ. Lúc đó, sau khi đã tới trại tạm cư tại một vùng ngoại ô Saigon, bà trao cho tôi sấp văn tự ruộng đất đồng làng, năm bảy tờ gì đó, bảo gói lại cẩn thận bằng giấy bóng, để sau này về còn nhận lại bản thổ, ruộng nương. Năm nay, hẳn mấy cái giấy nất ấy đã thất lạc trong đám giấy tờ lộn xộn của đơn thuốc Bắc, toa thuốc Tây, của Sấm đền Đức Thánh Trần hay biên lai hội. Hay nếu còn, chúng cũng sờn mếp mà rách bung ra thành mười sáu mảnh, chia thành những ô vuông góc mà có thể có một lúc ngẫm nhìn qua cặp mắt kém, bà đã hình dung ra ruộng bờ ngang dọc làng xưa. Mười sáu năm, tháng này, Tô quốc chia cắt chưa liên lại được, người già như mẹ tôi không còn nghĩ đến chuyện về, và niên thiếu như các em con chủ con bác của tôi, lọt lòng mẹ ở xứ phong thổ bốn mùa, nhưng chẳng biết thế nào là heo may gió thổi, là rả rích mưa phùn, là Thu biếc và Đông xám, là Xuân hồng hay Hạ đỏ. Những mùa, những sắc hương thời tiết đã mơ hồ, phai lạt hay dừng đọng không tới nữa trên những mặt da tiếp xúc một môi hay lạ hoặc, tùy theo tuổi tác và thể hệ. Cái phai lạt, trên những khuôn mặt nhăn nheo, lại thật là hẻo hắt. Tôi nhớ một lần tôi đã ghi được nét héo hắt ấy nhân một chương trình hát đố ở đài Truyền Hình. Từ đó, mỗi khi đọc báo thấy đêm nào có Hát chèo, hát Bội, tôi lại lặng lẽ mở to mắt, và thế nào mẹ tôi cũng xuất hiện, ngồi thu hình trên đi văng, hướng khuôn mặt đầm chiêu, với những thoáng tươi cười, về khung ảnh nhỏ. Quê hương quả như những đám mây, trôi vật vờ cùng ký ức về một góc trời đã xé, có tre trúc mit òi, có ao rau xanh mát và một bờ đê có vàng, có trâu có lợn, nay không còn là chốn để về mà chỉ còn là nơi để nhắc nhở, với tuổi già. Tôi nhớ hai câu thơ của Hồ Dzếnh, trong bài *Cảm Xúc*:

Ai hay lòng kẻ từng chầm lủi,
Trong một làng con, đã héo rồi!

HỒI còn đang đi học, hay sau này mỗi khi đọc Nguyễn Tuân, tôi vẫn ao ước được làm những chuyến đi dài, dài đường đất và ngày tháng, nhưng lại chỉ quanh quẩn trên giải đất quê hương. Tôi sẽ từ Hà Nội ngược Lạng Sơn, Cao Bằng; từ Sài Gòn xuống Cà Mau, dọc xương sống Tô Quốc, bằng một chiếc xe riêng, có chỗ theo nỗi niềm chân chiếu; đôi thì thôi cơm lấy mà ăn; một thì trải chiếu bên đường mà ngủ. Hay là dân dị hơn, chân Bức Hà thì lấy một cái vé xe hỏa như Tân Đà mà

vào Nam kỳ, chân Saigon thì lấy một cái vé xe hỏa mà ra Hà Nội. Thích thì ra nằm đó sông Hương ngâm *Dạ Bạc Tân Hoai*; vui thì vào Chợ Lớn ăn nhậu nói tục giữa phố mà không sợ ai nghe. Luôn luôn, trong tâm trí tôi, hình ảnh con tàu Xuyên Việt vẫn hiện ra với những ga xếp tỉnh nhỏ, những trạm ngừng thành phố lớn; con tàu với lò than hừng hực lửa, với tiếng còi náo nức, với những buổi chia ly sao mà buồn thế, những thích thú biết bao! Tôi vẫn không ngừng ao ước, bây giờ và mãi mãi, cái ngày có thể xách một chiếc vali nhảy lên tàu hỏa...

Một phần, đó là ao ước chung của bất cứ người Việt Nam nào; phần khác, tôi đã thấy từng đêm, từ khi mới sáu bảy tuổi, những con tàu phóng lao vùn vụt trên đường sắt, những con tàu không thêm ngừng lại ở ga xếp, như cái ga Đồng Văn mà tôi ra đời, chẳng hạn. Sinh ở đó, lớn lên ở đó tới năm 12 tuổi, đứa nhỏ là tôi mỗi ngày đều lê la chơi đùa trên thiết lộ đường số 1; nhắm mắt hàng vài ba phút chân vẫn nhảy đung từ tấm tá vọc này tới tấm tá vọc khác, nhớ không sai giờ những chuyến tàu Hà, những con tàu Nam, và, như một thằng bé lêu lổng, đón tàu cách nhà ga một cây số, đợi đúng lúc vòng bánh lẩn chậm lại sau tiếng nổ của chiếc pháo sắt gài trên đường, là nhảy lên bậc thang, ngồi thả chân xuống đu đưa, nghịch ngợm cùng chúng bạn. Tàu vào ga, hơi nước của máy nổ phi phi như tiếng thở của con quái vật khổng lồ, ịch, chúng tôi nhảy ào xuống, dọc đường sắt mà chạy trở lại. Đôi khi, lúc tàu dồn toa chạy chậm, lũ nhỏ hề nhau leo lên nóc, chuyển từ toa này tới toa kia, rất an toàn mà lại hiên ngang, khoái chí.

Hình ảnh con tàu, không rõ từ bao giờ, vẫn là hình ảnh của một nỗi luyến, của Thanh Bình và Thống Nhất, đối với mọi người Việt Nam. Có phải một phần tư thế kỷ nay rồi, đúng một phần tư thế kỷ nay rồi, con tàu Xuyên Việt không còn chạy nữa. Tháng 3-1945, ngày Nhật làm đảo chính Pháp, khói lửa khởi sự lan tràn. Và những thanh đường ray uốn vô đầu nằm chông chờ, hồi kháng chiến. Những hố tăng xê, những toa tàu lật. Ruột đất, đường phải tăng-bò, từng quãng từng quãng xe đồ chạy thay tàu, rồi cuối cùng, trên khắp đất nước, những đầu máy nằm bất động, những vòng bánh rỉ sét, những nhà ga sụp đổ, những toa không chuột rúc đêm ngày; không còn nghe còi tàu hú dài, không còn thấy bánh sắt lăn mau, không còn biết Quê Hương là một giải non sông gấm vóc. Đường mọc mìn như ruột lỗ ung thư, lớp đá xanh nằm lổt xầu dưới mặt đất cũng bật tung như da thịt vỡ mủ. Con bệnh ra máu hai mươi lăm năm, đã mười sáu năm tê liệt nửa mình.

MƯỜI sáu năm, ĐẤT NƯỚC hai trái tim hai bộ óc, một kinh tuyến mà kim đồng hồ không có điểm chung; người ngủ lúc hoàng hôn xuống bên này, kẻ trở dậy khi mặt trời lặn phía kia. Chúng ta chỉ còn chung lúc trời chớp chớp, là lúc cửa mở cùng giờ: giờ của những thấy mà tìm ngất <

Trong hai mươi lăm năm (1945-1970), Phạm Duy đã làm bốn loại nhạc chính: Tinh Ca Quê Hương, Tinh Ca Cuộc Đời, Tinh Ca Đôi Lửa và Phong tục ca. Trong bốn dòng nhạc đó, Tinh ca Quê hương và Tinh ca đôi lửa bắt đầu sớm nhất. Hai dòng còn lại: Tinh ca Cuộc đời và Phong tục ca xuất hiện trễ hơn, từ 1964 trở về sau.

TINH CA QUÊ HƯƠNG

Phần đầu của dòng nhạc này thường được gọi một cách phổ thông là "nhạc kháng chiến của Phạm Duy, gồm ba đề tài chính, làm trong thời kỳ 45-50: — quân ca: điển hình: *Xuất quân* — Thanh niên ca: Về đồng quê — Dân ca: *Thương binh*, và về sau: *Ngày trở về*. Phần kế tiếp của dòng nhạc này là Trường ca (điển hình: *Con đường cái quan*, *Mẹ Việt Nam*) làm từ 1954 trở về sau. Và trong những năm gần đây, dòng Tinh ca Quê hương tiến đến Cộng đồng ca.

TINH CA ĐÔI LỬA

Bài điển hình mở đầu là *Bên cầu Biên giới*, chuyển giai đoạn tình tự khác nhau với mốc đầu là các bài: *Tiếng đàn tôi*, *Tiến Em*, *Ngày đó chúng mình đã rời hiện nay*, mới nhất là *Mùa thu chết*.

TINH CA CUỘC ĐỜI

Xuất hiện từ 1964 trở về sau, gồm hai loại chính: — Tâm ca (1964...): *Mười bài tâm ca*, *Mười bài tâm phần ca*. — Hòa bình ca.

PHONG TỤC CA

Gìong nhạc xuất hiện trễ nhất của Phạm Duy, mở đầu bằng *Via hè ca* (điển hình: *Sức mấy mà buồn*) và hiện tới *Tục ca*.

MỘT người trẻ vô danh bên phương Tây có lần nói: Bây giờ, cứ mười năm là một thế hệ. Tôi đồng ý: ít ra trên phương diện âm nhạc. Mỗi thời kỳ, đều có những âm thanh, cung bậc của thời kỳ ấy, và cũng vì thế rất nhiều khi con người nghe nhạc như nghe quá khứ của chính mình. Một thế hệ trước đó và một thế hệ sau có thể nghe các cung điệu ấy, có thể thấy hay có thể không, nhưng chắc chắn không thể xúc động đến phần ký ức, đến con người đã qua xa nhất của mình. Hãy để ý tới sự dị biệt trong chọn lựa băng nhạc và đĩa nhạc của một người bốn mươi và một người hai mươi bảy giờ... Những bản nhạc và những người làm nhạc vượt qua được lần mức thời gian, thật là hiếm hoi. Và ở Việt Nam, tôi mới thấy có một người thực sự là đã làm được như thế, đó là Phạm Duy.

Tôi chỉ bắt đầu biết tới nhạc Phạm Duy — tuổi thơ của âm thanh tôi — sau khi theo cha mẹ về thành. Kháng chiến đã là quá khứ, cho riêng tôi, đã là ở bên kia danh giới, cho riêng tôi. Thấy tôi lúc đó nhận một chức vụ coi về thông tin ở Hải phòng và tôi đã biết tới Phạm Duy qua một buổi hòa nhạc ngoài trời ở công viên do thầy tôi tổ chức. Đứa bé lem lẻo là tôi ngồi bệt trên cỏ đã lắng nghe với mê say xuất phát từ tâm hồn của kẻ mới rời ấu thời bản *"Tiếng đàn tôi"* của Phạm Duy. Người hát bản, những người trong bản nhạc ấy chắc đã chết cả nhưng trong ký ức tôi, mỗi khi cần, tôi đều hình dung tổng quát được như cầm một chiếc ảnh cũ đã ủa vàng lên... Và cũng tới khi đó tôi mới biết những bài ca, lời ca tôi thường hát như "ngày trở về có anh thương binh chống súng cây bừa..." cũng là của một người làm nhạc "thang Phạm Duy".

Vài năm sau, trở về Hà Nội, tôi đã lớn hơn và đã bắt đầu biết yêu. Những bản nhạc thời kháng chiến của Phạm Duy, tôi vẫn còn nghe đầu đây, nhưng đam mê bây giờ là những bản nhạc anh làm sau khi đã cùng toàn gia đình "về thành". Một cô bạn gái mười sáu mặc mầu áo lam của trường

Trung Vương đã cho tôi một bản nhạc nhỏ xấp chụp lại bản nhạc «Tiếng sáo Thiên thai» của Phạm Duy, và tôi đã từng vờ vờ ngồi hát, dò từng nốt nhạc, suốt cả buổi chiều vào giữa mùa thu, buổi chiều có gió từ ngoài sông Hồng thổi vào làm rơi những hoa sấu vàng nhỏ, như điểm ngân sao lên mái tóc những người con gái đi học về. Trong một tâm trạng và một tuổi như vậy, khi ban Gió Nam của Phạm Duy ra Bắc, dĩ nhiên là tôi, toàn thể Hà Nội tuổi trẻ chứ không riêng gì tôi, đều vui sướng tiếp nhận.

Hà Nội có những buổi chiều mùa đông, hơi mưa và lạnh, làm bất cứ ai có tuổi trẻ hay nuôi tiếc tuổi trẻ đều muốn đi ra đường. Để đi uống một ly cà phê, nhấp nhấp một ly rượu, hay chỉ để ra ven hồ Hoàn Kiếm mua một gói lạc rang nóng của ông tàu già ngồi trước cửa bưu điện, rồi cứ thế mà hai tay đút túi quần đi lang thang trên các hè phố — tuyệt vời nhất là đi qua nhà người yêu một lần, hai lần, ba lần, ngược nhìn lên khung cửa sổ phòng nàng nhưng không mong chờ gì cả. Năng tình cờ xuất hiện, một màu khăn quàng trên cổ và một nụ cười gió mùa đông làm cho cảm nín, thì càng hay: có chất liệu để sung sướng một đêm đông hay hơn. Chỉ có khung cửa không hay hai cánh cửa đóng kín, cũng vẫn được như thường. Có lạnh, có mưa nhỏ hạt, có hè phố, có lá vàng, và nếu cần, còn có những gánh cà phê dưới các vòm cầu xe lửa. Ban Gió Nam đã ra trình diễn vào những đêm Hà Nội như thế, làm sao không được hoan nghênh, làm sao không làm lòng người ghi nhớ.

Vào thời đó tôi còn quá nhỏ để nghĩ tới chuyện đến mời «nàng» đi và tiền tiêu túi của tôi mỗi tháng được cấp phát có mười đồng — đủ tiền về một phim thường trực — trong khi giá chót của ban Gió Nam ở nhà Hát Lớn tôi những hai mươi đồng. Nhưng làm sao tôi không đi cho được: một ngày không xa lắm, tôi đã đứng dừng lại trước một quán ăn khá lâu để lắng nghe Thái Thanh hát bài «Khởi tình Trương Chi», dịu dàng và nao nức như một tình đầu chưa có mà có vẻ như đã qua đi... Bây giờ chính người hát và người làm nhạc ấy đã ra, và Hà Nội đã vào chiều mùa đông, gió đã lạnh buốt... Tôi vay được đủ tiền, đập xe gần muốn thở

Tôi nghe nhạc anh, nói chuyện với anh với chút e dè kính nể: anh lớn hơn tôi nhiều, anh có hào quang kháng chiến và hào quang của danh vọng nữa. Nhưng sự giao thiệp giữa anh và tôi rất giản dị và dễ chịu — điều đầu tiên của con người Phạm Duy ngoài đời làm tôi thích, đó là sự giản dị và khiêm tốn của anh.

Tương quan bằng hữu chưa thể gọi là có vào thời kỳ này. Và tôi hầu như không gặp anh trong những năm về sau, dù vẫn nghe nhạc anh, thích thú vài bản như «Ngâm ngùi» và «Văn thơ sầu rụng» phổ thơ của Huy Cận và Lưu Trọng Lư. Nếu có điều cần ghi lại chăng, về thời kỳ anh hay đưa thơ người vào nhạc mình ấy, đó là lần anh tổ chức cùng Cung Trầm Tưởng và Ngự Cao Uyên một buổi trình bày một tập nhạc phổ toàn thơ của Cung Trầm Tưởng và do Ngự Cao Uyên minh họa. Làm có đưa tôi coi tập nhạc và tôi rất mong muốn được đi dự buổi trình diễn mà không sao đi được — tôi chỉ là một sinh viên loảng quăng chưa biết viết văn là cái gì. Không được đi nghe, nhưng chính những bản nhạc trong tập đó lại theo đuổi tôi nhiều nhất trong những năm về sau, như bản «Tiễn em» chẳng hạn, đã thành âm thanh của thời kỳ đã qua rất đẹp của tôi và Thi, thời kỳ mỗi tháng hầu như hai đứa phải tiễn nhau một lần. Một buổi tối chót Thi ở với tôi ở một tỉnh cao nguyên, ngồi nghe hoài những «lên xe tiễn em đi»..., hai đứa rủ nhau đi lang thang quanh thị trấn. Xa lạ đang mờ, mùa khô đất đỏ, bụi bay theo gió lốc thật cao che khuất cả bóng trắng, đôi mắt cả những bông cúc đại hai bên đường... Làm sao sau này tôi không thể nghe lại bản đó mà không nghe bằng quá khứ của chính mình.

Đó là thời kỳ của Phạm Duy của tình ca và tôi không nghĩ gì khác hơn thế về anh. Những bài ca thời kháng chiến của anh không còn âm hưởng trong tôi: tôi quá nhỏ để có thể tham dự kháng chiến, dĩ nhiên không thể có nhiều âm thanh ký ức. Khi đã lớn hơn, tôi đã hơi ngạc nhiên khi vào thăm một người bạn trong một doanh trại Sài Gòn, thấy có một biển tên đề hai chữ Phạm Duy. Người bạn — họa sĩ Tạ Tỵ — cho biết là anh muốn đi vào quân đội

trẻ bơ vơ trẻ bơ vơ đi giữa vườn hoa
hỏi thăm em em có mẹ cha
hỏi thăm em em có ông bà
hỏi thăm em em có cửa nhà
một ngày qua em mắt có ba...

(TIẾNG HÁT TO)

Phạm Duy đã cảm thấy những gì những người cùng đinh của miền Nam đang quần quai. Cuộc chiến tranh đã nứt nẻ vô chính nghĩa bề ngoài, để lộ thực chất bên trong: không là gì hơn... Vào thời kỳ này, tôi đã viết truyện dài «Tiễn Đền» để trình bày niềm khổ tâm của người dân nói chung trong thân phận ruồi muỗi và những lính lính như tôi đang biến thành thứ tốt đen sang hạ cho các thế lực ngoại bang, các thế lực đang muốn người Việt vĩnh viễn coi nhau như quân thù; trắng nói ta phải giết hết tội đồ, đồ nói ta phải tiêu diệt hết trắng. Bởi thế không có gì là lạ Phạm Duy đã gặp nhiều đá kích và khó khăn cho các bài tâm ca của anh chỉ vì anh đã lên tiếng:

Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai
Kẻ thù ta tên nó là gian ác
Kẻ thù ta tên nó là vô lương
Tên nó là hờn căm
Tên nó là hận thù
Tên nó là một lũ ma

Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai
Kẻ thù ta mang áo màu chủ nghĩa
Kẻ thù ta mang lá bài tự do
Mang cái vô thật to
Mang cái rở danh từ
Mang cái mầm chia rẽ chúng ta...

(KẺ THÙ TA với ý Nhất Hạnh và Trụ Vĩ)

Không màu cờ sắc áo, không còn màu cờ sắc áo nào nữa, hoa chống chỉ còn là những tiếng «giọt mưa rơi trên lá»:

giọt mưa trên lá nước mắt mẹ già
lá chắt dầm dìa trên xác con lạnh giá
giọt mưa trên lá nước mắt con mà
thiếu nữ mừng vì tan chiến tranh chống về...

Thật may là người làm nhạc như thế là một Phạm Duy có danh tiếng lớn và thời đó chưa có Tòa Án Mật trận và cái mũ «phản chiến»...

Con người Phạm Duy kháng chiến đã đi vào huyền thoại của một thời đã qua, con người Phạm Duy tỉnh ca chìm lắng xuống, nhường cho một Phạm Duy mới, gần gũi với tuổi trẻ, với dân với nước. Dĩ nhiên là Phạm Duy mới được từng lớp trẻ ngưỡng mộ, quý mến, và trong bao đêm, từ tận giòng Bến Hải xuống mãi miền cực nam, những người trẻ đã quây quần nhau mà hát những bài tâm ca của anh, hát đến như muốn mê sảng mà lắng quên thực tại luôn. Trong thời kỳ này, nhóm Thái độ đang hình thành cố gắng ném những mớ đầu đầu tiên tìm đường dẫn tới một xã hội mới. Quay máy mãi, đánh máy mãi cũng mệt, một đêm tôi mời Phạm Duy đến hát cho anh em nghe... Anh đã đến ngay, và trong căn phòng nhỏ tôi tàn, anh đã ôm đàn ngồi xuống đất với những người trẻ, cất tiếng hát rất to vang động cả một vùng ngõ hẹp. Mái tóc anh là mái tóc đốm bạc duy nhất: trong tất cả những người hiện diện. Anh đã có hào quang kháng chiến, hào quang danh vọng, nhưng anh không trốn tránh vào những thứ ấy. Anh biết anh phải liên đới trách nhiệm với những người cùng thế hệ anh, 1 thế hệ đã truyền lại cho chúng tôi, những người trẻ ngày nay, cả một di sản...

Để lại cho em này nước non mình
để lại cho em một nước đẹp xinh
một niềm oai linh hiền hách
chỉ còn dư vang thần thánh
để lại cho em hèn kém của anh

Để lại cho em một nước phân lã
để lại cho em một giống nòi chia
hận thù nhân danh chủ nghĩa
bạo tàn vênh vang bề thế
để lại con tim nhỏ bé của anh

(Xem tiếp trang 15)

THE UYÊN

NGƯỜI CHƯNG MỆT MƠI

(PHẠM DUY)



đọc đến Nhà Hát Lớn, thì vé đã hết. Một đám đông đang đứng tụ họp trên thềm. Tôi muốn nghe với bất cứ giá nào, vậy hết vé không thể là một trở ngại. Cùng vài người bạn, tôi chạy sang phía hông, leo gần mười thước ống măng mà vào. Gió lạnh vừa vào bên tai, nhẩy vào hành lang, tiếng nhạc tiếng hát đã ấm, tiếng Phạm Duy đứng sau bức màn đã trầm trầm giới thiệu.

Nhiều năm về sau, tôi vẫn tiếp tục nghe nhạc Phạm Duy và chỉ nghe qua đĩa và đài phát thanh, từ «Về miền Trung» với tiếng hò dài lê thê ở chèo mớ đầu làm tôi mơ biết đến Huế, đến «Hẹn hò» khắc khoải. Tôi không hề đi coi anh cùng ban Thăng Long trình diễn bao giờ — đã xa rồi thời kỳ leo tường leo ống măng, dù chỉ để nghe Thái Thanh hay để ngắm trông người yêu. Tôi chỉ gặp anh khi đã lớn, đã bắt đầu viết những bài văn đầu tiên. Một buổi tối, Lam và Phan Lạc Tuyên đã viết mẫu văn giới thiệu cho truyện ngắn đầu tiên của tôi, dẫn tôi lại đàm trường Viễn Kiến của anh Nguyễn Đức Quỳnh. Sau phần thảo luận, Phạm Duy mới tới và anh ngồi trên chiếc đi văng thấp, ôm đàn hát một bài nói về mưa và gió trong một đường phố buồn.

đề cất tiếng hát rộng lớn hơn. Tôi hơi ngạc nhiên vì tự nghĩ anh sẽ hát những gì đây trong cái tập thể chất chóc dọ đây này. Chỉ thắc mắc có thể thôi rồi quên đi, cho tới khi tôi ra Huế, đến chơi nhà Nguyễn Đức Xuân, căn nhà cổ kính nhìn xuống 1 giòng sông nhỏ, chủ nhân đã vận tôi nghe các bài tâm ca của Phạm Duy. Xuân có nói thu trên thuyền vào một đêm mưa, âm thanh không tốt, nhưng tôi, tôi mê say nghe đi nghe lại tất cả những bài ca thấm thiết ấy — hình như tôi đang mong chờ những cung điệu như thế từ lâu bây giờ mới gặp. Lần này, quả Phạm Duy đã có điều để nói qua tiếng hát với những kẻ cùng đinh mới của miền Nam:

Tôi sẽ hát to hơn súng nổ bên bờ ruộng già
lời tôi ca lời tôi ca xin lúa đừng lo
lời tôi thay cho tiếng đạn bay...

tôi sẽ hát to hơn những kẻ khơi ngọn lửa thù
lời tôi ca lời tôi ca như suối rừng thu
lửa âm u ai đốt từ lâu
miền quê tôi khan tiếng kêu gào
lời tôi ca như nước nhiệm màu
thành mưa rơi cho dứt niềm đau
tôi sẽ khóc to hơn đứa nhỏ đang ngồi vĩa hè



QUẢNG TRỊ, NGÔI NHÀ YÊU DẤU

TRONG suốt bốn năm qua, tôi không thực sự sống trên một thành phố nào nhất định cả. Đời tôi là cả một chuỗi dài xê dịch không ngừng. Tôi sinh ra ở Quảng Trị, nhưng nguyên quán lại là Thừa Thiên. Tôi theo học ở Huế, Qui Nhơn; làm việc ở Đông Hà, Saigon, Pleiku; vào lính trú đóng tại một quận lỵ thuộc tỉnh Hậu Nghĩa, đơn vị lại đi hành quân dài hạn trong các vùng thuộc tỉnh Tây Ninh, và giờ đây, Bộ Chỉ Huy lại tạm thời đóng ở Prassaut trên lãnh thổ Campuchia, không biết trong bao lâu. Hai chữ Bầy Giò — Thành Phố Bầy Giò, là lý do làm tôi e ngại. Tôi biết chọn thành phố nào đây để viết? Đã hẳn nhiên thành phố mình chọn viết là thành phố mình nghĩ đến nhiều nhất, thương yêu nhiều nhất, dù thế nào.

Hôm rồi lên xe tìm đường trở ra căn cứ hành quân một thiếu nữ ngồi cạnh nghe giọng nói và hỏi tôi có phải anh người Trung, tôi trả lời vâng, tôi người Trung, người Quảng Trị.

Câu trả lời chưa đúng hẳn, bởi như đã nói ở trên, tôi chính gốc người Thừa Thiên, người Huế. Vậy mà tại sao tôi không nói tôi người Huế, lại tự nhận là người Quảng Trị? Tôi có đánh lừa người thiếu nữ đồng hành không? Tôi có âm mưu đến tới nào, có thủ đoạn mờ ám nào không? Nhất định không. Chúng tôi chưa quen biết nhau. Người thiếu nữ chỉ cùng đi với tôi trên một chuyến xe, qua một quãng đường ngắn, như người ta qua một chuyến đò ngang. Đến một trạm nào đó, chúng tôi sẽ chia tay nhau, một người đi một con đường khác, một phương hướng khác. Khi trả lời tôi người Quảng Trị, câu trả lời tuy không đúng, nhưng thành thật. Tôi sinh ra ở Quảng Trị, giọng nói tôi là giọng nói của người Quảng Trị, cương rắn của tôi được chôn trong lòng đất Quảng Trị. Gần 20 năm tôi sống gần bó với Quảng Trị, thở hít bầu không khí ở đó. Cái bút hiệu tôi chọn từ những năm còn vẽ vời làm những tờ bích báo cho trường, cho lớp mà tôi giữ mãi cho đến bây giờ, cũng mang tên một giọng sống ở Quảng Trị: sông Thạch Hãn.

Cho nên tôi chọn thành phố Quảng Trị cho bài viết này.

Bạn tôi, Lê Văn Chính, người Quảng Trị, nhưng tại sao anh lại viết về một thành phố khác? Tất nhiên anh cũng có những lý do của anh.

Bốn năm rồi tôi không về Quảng Trị, dù trong thâm tâm, tôi rất muốn, rất thèm về. Không muốn thêm sao được khi cha tôi, các anh em tôi, bà

con xa gần của tôi đang sinh sống tại đó. Mẹ tôi, một người anh và một đứa em gái của tôi cũng đã lần lượt chiếm ba gò đất để gửi những năm xương còn lại ở Quảng Trị. Như thế, bảo tôi không nhớ không nghĩ đến Quảng Trị sao được? Có một điều mãi cho đến khi viết những dòng này, tôi vẫn còn ăn hận là, trong bốn năm qua xa xa Quảng Trị, tôi biết gì về « cái bây giờ » của thành phố để viết?

BỐN năm. Thành phố Quảng Trị có gì thay đổi? Biển cổ Mậu Thân ai còn ai mất? Con bao nào rớt xuống thành phố này? Những lần pháo kích ngôi nhà nào đổ nát? Phi trường Ái Tử được thiết lập, người Mỹ đổ quân xuống đây, đời sống của Quảng Trị ra sao? Quốc lộ 1 từ Huế ra đã được chỉnh trang, không còn những ổ gà, những vụ giết mìn, những lần bắn sê, có làm cho người dân Quảng Trị yên tâm? Nói chung, khuôn mặt của thành phố Quảng Trị trong bốn năm qua đã đổi mới như thế nào? Quả thật tôi hoàn toàn không hay biết.

Vậy mà tôi dám chọn Quảng Trị để viết. Lý do gần gũi như thế này.

Trong bốn năm lìa xa Quảng Trị, sống tha phương cầu thực trên nhiều thành phố quận lỵ khác nhau, tôi không bao giờ quên được cái thành phố nghèo nàn bé nhỏ của tôi. Thành phố Quảng Trị, có dáng gọi thành phố không, những con đường chỉ đi trong mười phút đồng hồ là đã cùng khắp. Dăm ba tiệm tạp hóa, dăm ba quán sách, một vài hiệu may, vài quán ăn... không có lấy một khách sạn, một phòng ngủ cho người phương xa dừng chân lại một đêm, không có một thư viện, một phòng đọc sách. Anh chỉ cần đóng cửa một tuần lễ ở đây là người ta quen mặt biết tên anh rõ ràng cận kề. Anh mới bước ra đường sẽ có người gọi tên anh, bắt tay anh hay gửi cho anh một nụ cười thăm hỏi thân mật. Mọi hành vi của anh đã được che dấu, bị một đến đầu, chỉ trong một vài ngày, mọi người ở đây đều biết hết. Những thiếu nữ trong thành phố sống cề kín đáo. Họ sợ những lời đàm tiếu, dèm pha từ phía dư luận. Có muốn sống đời sống của cô, một đời sống phóng khoáng, tự do, bất cần đời, mới có chọn cho một thành phố khác, một nơi chốn khác. Quảng Trị là một đại gia đình xuyên qua một ý nghĩa nào đó. Có phải sống như thế này, anh phải từ bỏ cá tính nọ. Nếu không, được. Nhưng anh có đủ can đảm đương đầu với những cái nhìn soi mói, những lời xì xào mĩa mai hay không? Biết thế. Và tin rằng trong đời sống kèm hãm, tù túng này, cho đến nay nó vẫn không có gì thay đổi, nhưng tôi thay, tôi vẫn yêu vẫn nhớ thành phố Quảng Trị. Tôi đã từng sống ở Saigon. Người ta ra phố nhìn nhau như người ngoại quốc. Con người ở đây giao tế với nhau một cách máy móc không chịu được. Tôi đã có lần bực tức gọi Saigon là thành phố phi nhân trong ý nghĩa đó.

Tôi nhớ Quảng Trị, viết về Quảng Trị. Người lang bạc kỹ hồ nào rồi cũng có ngày thấm mệt. Chim mỗi cánh chim bay về tổ. Sống ở Quảng Trị, tôi cảm thấy dễ chịu, ở đó, tôi được đắm bực trong tình thương yêu, tôi gần gũi với tình người.

Chứng nào tôi chưa về Quảng Trị, thì nỗi nhớ thương, lòng thèm muốn trong tôi vẫn còn thao thức, khơi động, nhắc nhở. Bởi vì, Quảng Trị là ngôi nhà yêu dấu của tôi. Δ

CHUYẾN đi nào, dù xa hay gần, lúc hay mau với tôi đều chứa nhiều nỗi xao xuyến của một đời thay khám phá. Có thể có những chuyến đi nhiều sửa soạn, cân nhắc cho cho một viễn tượng hay hoành hơn cuộc sống hiện tại, cũng có thể những chuyến đi thật tỉnh bơ, gần gũi. Đi rồi lại về và tưởng như không có chuyến đi đó. Nếp sống vẫn đều đặn, buồn nản như những ngày chưa đi, chưa rời bỏ hẳn một Thị Trấn, một địa danh đã ở và đã buồn chán. Có những chuyến đi dài, thật dài. Bỏ lại đằng sau nhiều nhưng nhớ, nhiều thua lỗ. Dù thua lỗ tôi vẫn chấp nhận những lần ra đi còn hơn ngồi một chỗ để nhìn ngày tháng trôi qua trong một điệu buồn đều đặn, tháng thốt đến giết mình. Thế nhưng có những chuyến đi, thật dễ dàng gần gũi mà tôi lại ít có dịp để đi. Như những lần ở Nha Trang. Thành phố có nắng vàng biển xanh, tôi đã ra đến đèo Rù-Rì, thế mà chưa bao giờ tôi đến Ninh Hòa. Cũng như những năm tháng ở trên Đà Lạt, trên thành phố sương mù, của đời tôi chấp chùng, của những buổi trưa nắng vàng ngày ngày lạnh, của những đêm tựa cửa nhìn những ánh đèn chao lượn, cao, thấp — Hút Bastos xanh nghe đời thông sau nhà hú gọi bước lững lờ của một kiếp đi hoang, chưa dừng bước. Tôi cũng chưa bao giờ lạc bước đến Đền Dương. Trong những ngày còn lại tôi vẫn nuôi mãi ý định sẽ đi cho biết, thế rồi chẳng bao giờ đi. Khi lấy về máy bay về Saigon rồi đi Huế luôn. Một vài xê dịch đời thay khác đã làm cho những ý định trở lại Đà Lạt không còn được thực hiện, và một vài lần sau đó trở lại thì không có thì giờ để ở đó mà thông dong, mà bay mà nhảy. Bởi những ràng buộc cho cuộc sống. Không thuận nhất theo ý hướng mình nên những chuyến đi, xem chừng thật dễ dàng, nhiều khi cũng chẳng thực hiện được chỉ cần một quyết định. Ra bến xe, lên ngôi một chỗ nhất định, xe chạy đến nơi mình muốn đến và đi đến một địa chỉ nào đó đã ở sẵn, thật dân tiện, dễ dàng. Vậy mà với tôi những điều này thật khó khăn, tưởng chừng như không làm nổi. Đã bốn năm ở Đà Nẵng, thành phố của những đồng rúc, me Mỹ và gái làm sô Mỹ chiếm đại đa số. Những xê dịch đi chuyển mệt mỏi giữa Đà Nẵng — Quảng Ngãi. Ngược ra một Bắc trèo đèo Hải Vân — Đồ đạc đi Huế — Quảng Trị — Đông Hà. Khi theo Bộ binh khai theo Nhảy

BÂY giờ thì không còn ngưng ngấp khi nói đến tuổi lính của tao. Đó không là điều hành diện cho thắng tác chiến. Đó chỉ là nỗi bất hạnh mang mãi khi tuổi trẻ đã bị cưỡng đoạt ném vào mặt trận Tiên Phước, Thất Sơn... Phải vậy không Khanh? Ngày thuyền chuyển về Nam nói mấy lời giã từ mây trong máy 25 khi tao nằm đợi Géo Cốc. Về hậu cứ trình diện vắng mặt bạn bè, về Cao Lãnh vắng mặt bạn bè. Thử mà không nhắc tao vẫn nhớ đường Đông Kinh, nhớ những tờ giấy bạc giậu hồn trả lại Tuyết tới động phòng, những chai 33 Thanh Hải, Tà Tà. Ở đó tao vẫn mãi nhớ hơn hai năm nhục nhằn ngâm mật, hơn hai năm chân lấm thuốc đỏ que hương, bỏ lại đó những giọt máu. Hy vọng những giọt máu chảy xuống Thăng Bình đã khô đi hay mất dấu, để ngày mai trở lại những chuyến hành quân sau không nhận mặt chiến trường. Ngày tao đi, vắng mây thật buồn, nhưng có mây được gì hơn những chai bia nằm lấm lóc, Chuán, Chương cười khúc vù vù.

Ở đầu cũng có những chiến trường mới lạ, kinh nghiệm đánh nhau đất diu mười mấy tháng vượt qua phút hiểm nguy, sống thêm vài ngày rồi lần vào nỗi chết. Như Đức, như Thọ đã nhận xong phần đất mới, bây giờ tao chưa biết mộ chúng nơi nào. Mây thì thật xa, hơn 1.500 cây sô chim bay, tao tin ít ra cũng còn nhớ nhưng nào tao bỏ lại, mây gọi đi. Trong cuộc chiến bất ngờ gặp nhau, đồng điệu, bất ngờ gây gãi, mây có buồn? Mây đang nghĩ gì? Khi tao hay mây nằm xuống, mình có biết được tin nhau?

DÓN ĐỌC:

SỰ TRÌNH CỦA CAO-TIÊU

Thiên bất ghi lại những giai thoại văn chương giữa Tác giả và các nhân vật Trung Hoa trong chuyện thăm viếng Đài Loan

« SỰ TRÌNH » có một giá trị văn học nói lên tình hữu nghị và tương quan văn hóa lâu đời giữa hai dân tộc Hoa — Việt

- Cảm đề của **VŨ HOÀNG CHƯƠNG**
- Thủ bút của **VƯƠNG THẮNG**
- Bạt của **LÃNG NHÂN**

NAM CHI TÙNG THU
XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH
ĐẦU THÁNG 08 NĂM 1970

đủ ra tận căn cứ A1-A2. Nằm nghe mưa pháo kích của bên kia hàng giờ. Đứng trên đồi Ba Dốc, nhìn Gió Linh mờ mờ mà quận đầu, trường như đang nghe Phương Hoài Tâm hát «Thương Bến Hải, Thương cầu Hiền Lương». Gần Đà Nẵng có một thị xã nhỏ nhoi, khiêm nhường. Kề đoạn đường dài thì không bằng một phần mười chặng đường tôi đã vượt qua cho một chuyến xe từ Quảng Ngãi ra Quảng Trị. Nằm ẩn mình bên những dãy núi trùng điệp của Trường Sơn. Tôi đã từng cho dừng quân ở Vĩnh Điện, khi trở lại Quảng Ngãi, theo một chiến dịch của SD/2, chỉ cách Hội An, Thị xã đó, vài cây số. Vậy mà bốn năm qua tôi chưa một lần ghé đến Hội An. Thành phố của một vài văn hữu thân thiết, thành phố đã chứng kiến cái chết của một thằng bạn thân. Thành phố buồn, thành phố của những di tích do người Tàu tạo lập và thành phố biết rất nhiều nhưng không biết gì hết.

Bây giờ, tôi đã đến đó như một người thân nhưng xa lạ. Đoạn đường bụi mịt mờ, những đoàn xe của Mỹ chạy ngược chiều làm cho đoàn xe tôi nằm im chịu trận hàng giờ.

Cây cầu nhỏ Thanh Quyết không còn nữa. Ở đây đoàn xe tôi đã bị bắn sê, và bắn sê là nghề của mấy chú du kích ở địa phương này. Công binh Mỹ đang bắt phá nổi. Chiếc phà eo ọp chực chờ ngập nước. Cây cầu bị đứt đoạn ở giữa, một thanh gỗ mục tòn ten xuống mặt nước. Vung vãi khắp mặt sông những thanh gỗ trôi lênh bênh. Một người lính Mỹ la hét điều khiển đoàn xe, cho qua từng chiếc một. Một số trẻ em dân bà xách những thùng Coca, Bida, đang chạy tới chạy lui, bán cho lính Mỹ đang hý hục làm lại cầu. Một sự bắt đầu lại được bắt đầu. Những người lính Mỹ trần trùng trục. Da họ đỏ lên giữa cơn nắng đỏ lửa của những tháng Hạ miền Trung. Nắng cháy da. Tất cả đều làm việc một cách hăng hái. Mấy người lính Nghĩa quân đứng chờ vờ trên một phía cầu còn lại, nhìn vô vẩn, thản nhiên. Một lính Mỹ đứng gác cho đồng đội làm cầu ở ngoài xa, đang thân mật nói chuyện với một em nhỏ bằng những cái gật đầu, xua tay. Bụi mù khuất hẳn vùng Nhanh Quyết xe đến Vĩnh Điện ngừng một lát rồi rẽ trái. Đi Hội An, Con đường dẫn vào Thị xã chạy mép theo một con sông là là. Một cánh đồng khô cháy hiện ra trước mặt bên kia sông. Những tiếng đại bác của một đồn Pháo Binh bắn phòng ngừa vào

đây núi xa. Cảnh ở đây thật khó chịu của một miền Trung chật hẹp, nghèo khổ. Nhưng khi vào trong Thị xã thì khác hẳn. Cây cỏ tươi tốt một vài cây phượng trĩu nặng hoa đỏ chói. Rời rai trên những nền cỏ xanh. Những con đường chạy dài nhưng hẹp. Sạch sẽ. Hình như ở đây không có một chiếc xe nhà, phố sá san sát nhau giáp mặt nhau. Ở giữa là là con lộ nhỏ vừa 1 xe jeep chạy lết. Người ta nói hồi xưa những con đường này làm cho xe song mã chạy mà thôi, những căn nhà thấp lè tè, đa số toàn bằng gỗ. Tất cả đều như lỵ khỵ vì nằm thẳng đê nặng. Một điều đáng nói là hầu như không có một người lính Mỹ nào đi ngông nghênh trong Thị xã và Thị xã có khá nhiều nhà sách so với cái nhỏ nhoi và khuất kín của nó. Chứng tỏ ở đây tuy Thành phố của chiến tranh, chiến tranh đê nặng vẫn không thiếu những môn ăn tinh thần và 1 tâm hồn văn nghệ của dân Việt. Thành phố này là Quê hương của khá nhiều cây bút có tên tuổi.

Thành phố nằm gọn giữa hai con sông, mặt Bắc là núi Nam là con đường Quốc lộ số 1 chạy dài vào Quảng Ngãi. Thành phố buồn, thảm đạm, có vẻ nhàn nại chịu đựng và xa lìa những ồn ào náo loạn, tiến bộ của một kỷ nguyên APOLLO. Trong thành phố thật yên tĩnh. Một vài xe Honda, một vài xe nhà binh thua thót. Thế nhưng bên kia sông một con sông hẹp. Những bụi mù của bom đạn đang dấy lên từng hồi. Những chiếc phản lực cơ chiến đấu đang thay nhau đâm đầu xuống mục tiêu, cách thành phố vài cây số đường chim bay. Những tiếng rú của phi cơ những chấn động của bom đã không làm cho dân ở đây quan tâm. Trong thành phố chiến tranh, họ đã quá quen, quá biết. Riết rồi họ thản nhiên hứng hờ. Cho đến bây giờ, chiến tranh không còn là điều xa lạ, mối mê của dân thành phố nữa. Bộ mặt thật của chiến cuộc bi thảm này đã bị phơi bày. Tôi ở lại Hội An. 24 giờ. 24 giờ vừa đủ để sống với một vài cảm giác mới lạ. Ghi thêm một gạch nối giữa những chuyến đi. Không ngừng của những chuỗi ngày dài làm lính. Chuyến đi này không gây cho tôi một biến cố. Đi rồi lại về và tiếp tục cảm sống «Nghe của Chàng». Và mai một sửa soạn một chuyến đi khác. Rồi chuyến đi nào tôi cũng nào nức xao xuyến, bồn chồn một cách lạ lùng không dập tắt được.

Buổi chiều, ngồi trên một quán nhậu sơ sài ở bờ sông HẠN. Hai ly bia óng-ả vàng, lung linh như

tổng châu an



NHỮNG CHUYẾN ĐI VÀ HỘI AN

thủy-tinh, những cơn gió thổi. Dưới chân những cuộn kềm gai ri sắt bừa-bãi, cuốn tròn cây gỗ của căn nhà sàn nhỏ. Mùi nước mẩn tanh-tanh, ngầy ngầy. Chúng tôi nhìn qua bờ bên kia, mù mù, những ngọn đèn đã bắt đầu cháy. Qua ly bia, người bạn nói với tôi: Có lẽ moi phải đi cậu ạ. Ở Huế hoài không chịu nổi. Chuyến đi này sẽ làm cho cuộc sống đổi thay ở lại để ngày ngày nhìn bạn bè lần lượt ra đi và chết mình như tìm quá. Tôi nhìn lên, một khoảng trời đen mung lung phiến muộn. Một nỗi ray rứt ở vớ ngọt ngọt.

Một chiếc tàu, lù lù, im lặng không đèn không được từ từ ra cửa. Tôi nghĩ đến những chuyến đi của những thủy thủ phiêu bạt. Sau lưng chúng tôi tàu Bệnh viện Helgoland sáng trưng ánh đèn. Tàu sơn màu trắng. Thập tự đỏ. Mang một vẻ đẹp tinh khiết. Tôi nghĩ đến những chuyến đi của những kẻ gây tang tóc bên kia. Và những chuyến đi của những người xa hàng đại dương để hàn gắn những tang tóc, bi thảm đó. Tất cả đều là những chuyến đi. Nhưng những chuyến đi khác nhau mang nhiều ý nghĩa. Con sông mù mù khơi và bóng đêm ủa đến phủ lấy chúng tôi trong khói thuốc, theo dấu chân khật khà ra cửa.

ngy hữu



NÓI VỚI ĐÀ NẴNG

Bây giờ không còn những ngày đầu đời hung hăng chói rủa, chỉ còn những phiến muộn vầy quanh, ghi dấu tháng ngày lớn lên học làm người, làm lính. Canh bạc đời, hy vọng gì mua suốt, vết chân trên bàn tay bần, hy vọng gì lấy lại niềm vui? — những năm có đám bạn bè, an em lang thang khi chênh choáng, bây giờ nằm yên tận cùng địa ngục.

Bây giờ những chuyến đi dài U Minh, Kiến Tường, Chương Thiện... những hạt cơm khô nuốt chưa xong phải đi lên. Tương lai tao còn min bầy, hăm chông.

NGÀY thuyền chèo về Nam thăm anh em bè bạn, buồn thật nhiều khi đêm thiếu từng tên. Làm sao tao ở thêm năm ngày nếu không qua Cao Lãnh, tỉnh nguyên chung thân làm kiếp vô biên đánh giặc tìm quên. Tao đi như con trời, như con sông bạc đầu cuốn lấp tan tành đôi mắt Mỹ chiều Kiến Hòa xa lạ màu áo ngụy trang, đôi mắt Mỹ hững hờ hai buổi học đi về không dám đón đưa. Mây dừng hỏi gì về cà phê Ngy, Bến tre và bè bạn. Không còn gì, chẳng còn nữa đâu Khanh. Tất cả đã xa xôi, mất tích, xóa dấu từ chiều 33 say tỉnh, đêm rượu mồi mềm không nói nên câu. Ngày thuyền chèo về Nam thăm anh em bè bạn, ngày tao khai tử mình trong đời gian dối, khinh bạc, phủ phàng... Hãy thư cho tao hỏi được bao nhiêu chiến thương, chiến tích. Mây đâu biết về đây từng đêm mang giấc mơ Đà Nẵng, những tối quán Sầu, Hồng Diệp, Ngọc Anh, những khuya đưa Tuyết về con đường Phú Lộc, những buổi đói nghèo đánh bạc cầu may. Mây đâu biết về đây từng tháng ngày lang thang như chó, từng cuộc rượu say say khướt mê mang, từng canh phê thua hết tiền cơm trung đội, từng chuyện hành quân xa không mong ngừng ngày về. Nơi này những lần tiễn đưa đồng đội qua Châu Đốc, mỗi Oanh cười ngon ngọt vị nam trần, tóc cô giáo Tân Châu thơm mùi lúa mới và môi cười e ấp chuyện yêu thương. Nơi này những tiễn đưa đồng đội M. 16 khóa an toàn đã mở sẵn, đại liên đạn cung lên nòng, tao ở thế chờ máy có nhả gì không?

Bây giờ là thời gian buồn xuôi, phiêu phưởng, miền kỷ ức cỏ mọc xanh um, viên sỏi trong hồn, vết đạn trên cánh bằng một mối. Giấc mơ đất lửa soi thêm địa ngục, gọi Đức, Thọ về cùng chấp bước lang thang — những giấc mơ mang bước chân mặt trời nóng bỏng những bước chân yêu ma vội vã mê điên, kỷ thác phiêu du. Ở đó mây có nghe bài ca ngày tàn thế — bài đồng ca của đám tử tù. Xin mây làm dấu thánh, biết dấu chẳng an ủi tao, mây và những người đánh mất tương lai?

Bây giờ ở đây, vô ngựa gỗ đều đều trên không trung mịt mờ, hun hút. Bây giờ ở đây lửa chiến tranh xóa dấu tương phùng, xóa dấu vết chim bay trên khoảng trời lằng đằng, tha rơm về kết tổ tóc hoa râm. Bóng câu bóng về chiều đối mặt, trên phiến chợ đình công. Lửa bắt chợt về bên xác người mới chết, gieo nghìn trùng con sông trong lòng. Mây có nghe gì không Khanh? Chuyến nay mưa đông tới, nụ hôn nào lửa củi cũng quanh hủ? Ở chắc ngoài kia bão bùng Nam Ô, Hải Vân sấm động, âm vang đó vọng về. Hãy nói lên bếp lửa, — bếp lửa mùa Giáng sinh bình an cầu nguyện, bếp lửa mùa Xuân chớm tàn mau. Cho tao gọi đôi tay ra Đà Nẵng, đun thêm đôi tay khô vào bếp lửa người lạnh. Gọi bạn bè mây quay quần bên bếp lửa, hát bài ca máu lệ sa trường, gọi bạn bè mây xuôi quanh bếp lửa, tay tao sẽ cháy trăm năm. Và bước chân nào đây kéo về lên lên — của đám tội tù trốn chạy

(Xem tiếp trang 11)

HOÀNG ĐẠO, một nhà văn? Đó là một thói quen thông thường người ta vẫn gán ghép, vẫn chấp nhận một cách dễ dàng từ bao lâu nay: Hoàng Đạo, một nhà văn nông cốt (về một phương diện nào đó không được nói ra) trong Tự Lực văn đoàn, một nhà văn xã hội, một nhà văn cách mạng, một nhà văn lý tưởng v.v... Một nhà văn thế này và một nhà văn thế kia, những tính từ gán liền sau hai tiếng «nhà văn» vẫn là những thói quen tự do một cách dễ dãi của đám đông. Thế nhưng thứ hỏi — bằng một cách đặt câu hỏi có vẻ nghiêm chỉnh và đạo mạo đến buồn cười —: thế nào là một nhà văn? Và riêng trong trường hợp Hoàng Đạo, nhà văn là thế nào? Hoàng Đạo có bao giờ thực sự đã là một nhà văn chưa? Hoàng Đạo thực có muốn là một nhà văn không? Thực tình văn chương Hoàng Đạo như thế nào? Về Hoàng Đạo, đó là những câu hỏi liên quan đến văn chương đã bị bỏ quên bởi chính cái sự nghiệp phức tạp chung quanh văn chương của ông. Người ta vẫn thường nói về nhà văn Hoàng Đạo như thế này, nhà văn Hoàng Đạo như thế kia trong khi thực ra người ta biết rất ít về thế giới Hoàng Đạo được xem như là một nhà văn đích thực có nghĩa là một người hết lòng tận tụy với nghề văn đặt văn chương lên trên hết tất cả mọi sự. Từ bao lâu nay cái tên ý ngầm xem Hoàng Đạo như là một nhà văn ngang hàng với những nhà văn may mắn khác (Nhất Linh, Khái Hưng... Trong chương trình giáo khoa Trung học) đã trở thành một định luật. Nhưng trong tư cách một nhà văn đó, người ta đã nói về ông những gì? Về «Bàn Lẫy Nước Đông» Về «Trước Vành Móng Ngựa»? Về «Mười Điều Tán Niệm»? (Tác phẩm này chỉ có thể được gọi là một tác phẩm văn chương thuần túy, chỉ có thể bắt đầu trở thành một tác phẩm văn chương được giả thử như nếu chính nó cũng phải bắt đầu thay đổi tên nền tảng, thoát xác, biến dạng ngay từ cái tựa đề «Mười Điều Tán Niệm» phải thành ra là «Mấy Điều Tán Niệm» chẳng hạn!) Thực sự đó có phải là những tác phẩm văn chương không hay ít ra đó có phải là những tác phẩm mang nhiều tính chất văn chương nhất của Hoàng Đạo? Thực ra thì trong kỷ ức của người đọc không hề có hình ảnh của một Hoàng Đạo nhà văn nhưng chỉ có hình ảnh một Hoàng Đạo lập trường, không phải người ta đã có nhiều thì giờ trình bày, giới thiệu nhà văn Hoàng Đạo nhưng có thể nói người ta chỉ tìm cách vận dụng nhà văn Hoàng Đạo theo những chủ ý thiên lệch nào đó. Chính những tác phẩm từng tự hào đã làm nên phẩm giá cho tác giả lại chính là những tác phẩm không văn chương nhất.

Trường hợp Hoàng Đạo như một nhà văn là một trường hợp khá đặc biệt. Đây là những dữ kiện đặc biệt thu thập được trong trường hợp Hoàng Đạo một lý thuyết gia, đột nhiên biến thành một người sáng tác: trước khi chuyển qua viết tiểu thuyết ông đã là một nhà báo thành công, không khi thường xuyên báo quanh là một không khí tràn ngập bởi những Tiểu thuyết gia nổi tiếng nhất đương thời (Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam) sự xuất hiện và thành công quá mức của những cuốn tiểu thuyết mệnh danh là Tiểu thuyết luận đề (Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng), Hoàng Đạo chỉ thực sự bước vào nghiệp viết truyện trong những năm sau cùng của đời sống sau khi đã có dịp thử thách ngòi bút qua đủ các cách viết, lối viết khác nhau (bình luận, phóng sự, thảo luận) và đặc biệt đây cũng là một trong những nhà viết «phim» — nói theo điện ảnh của quý vị Tú nhật trình bày giờ — đầu tiên trong làng báo chúng ta (một «phim» si tiền phong trong truyền thống Áo Thiệt: Từ Ly và mục «Người và việc» thường xuyên trên tờ Phong Hóa). Với đầy đủ những dữ kiện đặc thù đó người ta không thể không đặt ra câu hỏi về trường hợp nhà văn Hoàng Đạo! Tại sao ông lại muốn viết Tiểu thuyết? Điều gì đã thúc đẩy ông mạnh bạo đẩy ngòi bút đi từ những cách viết, thể điệu viết quen thuộc vốn thường phản Tiểu thuyết nhất qua một lối viết Tiểu thuyết thường được xem là Tiểu thuyết luận đề? Tại sao ông lại muốn làm nhà văn thực sự? Vì một lý do gì, nội tâm hay ngoại tại, ần ứ hay dự phóng? Trong muôn vạn câu hỏi có thể đặt ra như vậy đối với một nhà văn (Hoàng Đạo) thì những câu hỏi vô duyên nhất có lẽ là những câu hỏi này: Nhà văn đó viết có hay không? Nhà văn kia viết lệch đi tới đâu? Nhà văn nọ có bằng lòng với tác phẩm của mình không? Bởi vì trong tương lai của một tác phẩm, nhà văn không thể bị lệ thuộc một cách dễ dàng vào trong bất cứ một phạm trù nhất định nào hết.

Hoàng Đạo nhà văn đã đi vào quên lãng thực sự chỉ có 2 tác phẩm văn chương chân thực này: «Con đường sáng», truyện dài, 1940 và «Tiếng Đàn», tập truyện ngắn 1941. (1)

KỶ THUẬT căn bản mà Hoàng Đạo thường sử dụng để đưa đến những nhân vật của mình, những cốt truyện, những hoàn cảnh, những động tác trong truyện của mình, đưa đến tác phẩm của mình là một kỹ thuật xây dựng trên sự đối chọi của một cái nền tối và một cái nền sáng, trên sự mâu thuẫn giữa ánh sáng và bóng tối, với một sự từ từ tăng dần lên và một sự giải thoát phóng khoáng được dùng đến như một hình thức biểu tượng. Người ta có thể tìm thấy trong văn Hoàng Đạo có rất nhiều ánh sáng xen lẫn bóng tối, những khoảng tối và những tia sáng, đám mây trắng và ánh trắng, buổi rạng đông và mặt trời mới mọc cũng như khi hoàng hôn trên đường trời nhìn ruộng lúa phủ sương mù: «Trên nền trời sáng, một đám mây trắng nhẹ theo gió mát lên cao dần... Ánh sáng ủa vào trong căn phòng tối khiến chúng hoa cả mắt» (CDS, tr. 72, 73). Một cái nền tối và một cái nền sáng, cả hai cùng chung lại làm thành một cái nền chung trên đó nhân vật xuất hiện (điều không tránh được):

HOÀNG ĐẠO, THI NGHIỆM MỘT NHÀ VĂN CAO HUY KHANH

«Duy ngạc nhiên khi thấy bóng mình dần dần in rõ trên nền cỏ. Chàng ngừng nhìn. Bên trời đông một màu trong như lọc, mảnh trăng nhạt vừa nhô lên khỏi ngọn tre lóng lánh như ai vừa gột qua một thêm vào nhà, chẳng có cái cảm giác là lạ đi vào trong một hang tối» (tr. 62). Hai nền tối sáng nông cốt đó có khả năng giúp đỡ tác giả giải nghĩa nhân vật khi chính tác giả có cảm tưởng rằng mình đã hết cách để giải nghĩa chúng, đã không thể giải nghĩa chúng được hơn nữa. Thí dụ như đây là một nhân vật đang băn khoăn: «Qua khe lá một tia nắng bờ ngõ xiên ánh vàng lên tờ áo của Thơ, Duy tưởng chừng như đến chiếu sáng cả tâm hồn chàng» (tr. 97). Hoặc như đây là một nhân vật đang âu sầu: «Mây đen từng giải theo gió bay lên cao, một thứ ánh sáng lạnh lẽo ồm trộm lấy mọi vật. Duy có cái cảm tưởng rằng thứ ánh sáng ấy dường như vào tâm hồn» (tr. 148). Mỗi ám ảnh tối sáng tương cận và tương phản này còn được dùng để giải thích cả sự vật trong thế giới tiểu thuyết Hoàng Đạo: «Lúc đó, mặt trời đã lên cao, chiếu xiên ánh sáng vào trong phòng: chính ánh nắng đã đem những màu tươi lại thay đổi mọi vật» (tr. 117). Tính chất biểu tượng gợi hình đây rấy trong tác phẩm Hoàng Đạo đã gián tiếp nói lên ý hướng luận đề trong những tác phẩm mang nội dung ánh sáng và bóng tối trong tác phẩm của mình, Hoàng Đạo đã tỏ rõ ý muốn ham mê một cuốn tiểu thuyết luận đề nghĩa là một cuốn tiểu thuyết trong đó nhà văn chấp nhận chấp hy sinh rất nhiều thứ để chỉ còn giữ lại một thứ: cái luận đề. Thành ra cũng là một điều dễ hiểu khi thấy tại sao Hoàng Đạo đã chọn cho những truyện của mình những tựa đề như «Ánh sáng», «Con đường sáng» (TĐ) và rõ ràng hơn cả là cái tựa đề của tác phẩm chính của ông: Con đường SÁNG.

NHỮNG truyện ngắn của Hoàng Đạo đều có thể thu về trong một ý tưởng chính làm nông cốt: sự tranh chấp giữa cảnh mộng và thực. Ở đây người đọc lại thêm một dịp chứng kiến một sự giằng co đối đầu giữa hai cái thế đối nghịch, chiếm đoạt và ám ngữ lẫn nhau: thực tế và mộng tưởng. Sự mâu thuẫn chống đối lẫn nhau ở đây cũng không sao tránh khỏi tính chất biểu tượng vốn là một yếu tố bất di bất dịch trong sự xây dựng một tác phẩm mang nhiều luận đề tính. Và dù không nói người ta cũng có thể ngầm hiểu rằng nếu hầu hết bóng tối trong tác phẩm Hoàng Đạo đã bị chính tác giả mạnh tay dẹp sạch hết, xua đuổi chúng ra khỏi đoạn cuối đường của tác phẩm (trên trang giấy mà thôi) thì ở đây cũng vậy thực tế sẽ là kẻ chiến thắng sau cùng để tiêu trừ cho bằng hết những loai mộng mị viên vông, nhường chỗ lại cho một ý thức lạnh mạnh, sáng suốt, cái ý thức văn của mang nhiều dáng dấp của những lời hô hào thanh niên (Hỡi các bạn trẻ hăng hái, bằng bột, nhiệt thành... Hỡi những người tóc bạc mà vẫn sáng

TIỂU SỬ HOÀNG ĐẠO (1906 — 1948)

— Tên thật là Nguyễn Tường Tư sau đổi là Nguyễn Tường Long hiệu Từ Ly rồi đổi là Hoàng Đạo. — Người Quảng nam nhưng sinh ở Bắc (Cầm giàng, Hải dương) em ruột Nhất Linh Nguyễn Trường Tam. — Năm 17 tuổi đỗ Tú tài Pháp, làm Tham tá Ngân khố cho đến năm 1930 rồi vào trường Luật Hà nội; sau khi đỗ Cử nhân, làm Tham tá Lục sự tại tòa án Đà nẵng, rồi Hà nội — Năm 1932 cộng tác với Nhất Linh chủ trương tờ Phong Hóa, thành lập Tự Lực Văn đoàn và sau đó chủ trương tờ Ngày Nay. — Năm 1940 hoạt động chính trị, trốn sang Trung hoa lúc về bị Pháp bắt tù và an trí ở Hà nội. — Năm 1946, bị Việt Minh không bố, ông trốn sang Trung hoa và bị chết tại đây (1948). — 22.07.48

suốt... MDTN). Nhưng dấu sao cái bệnh thực tế của những năm 39, 40 đó cũng đã có phần đổi khác dưới ngòi bút Hoàng Đạo ở đây vì bây giờ ông là nhà văn: "Ánh chiều qua, ánh chiều lại qua. Chuỗi ngày ái ân bao giờ cũng ngắn ngủi. Thời khắc trôi và trôi theo tuổi trẻ, tình yêu và hy vọng. Gánh hát tan. Anh chị đưa nhau về ẩn một nơi thôn quê trầm tịch, nhưng người ta không thể chỉ sống bằng ái tình và nước lã... Không bao giờ anh chị còn hát cho chị nghe, cho chồng chị nghe nữa mà chồng chị cũng không còn rạo rức như xưa: Chị, ngày nay, chỉ còn hát để mà nuôi thân" (TĐ: Một gia đình, tr. 38, 39). Về thơ mộng lãng mạn thường tình của các văn sĩ tự cho là mình họ lao" (chữ của Thạch Lam) không có đất sống trong thế giới Hoàng Đạo, các nàng Tiên ở đây chỉ xuất hiện đôi ba phút rồi biệt dạng (TĐ: Quỳnh Dao, Hoa Thủy tiên), nhân vật lý tưởng của Hoàng Đạo vẫn là một nhân vật nỗ lực để từ khước hiện tượng yếu lòng và cơn mộng tưởng đối với ông chỉ còn là một niềm hoài niệm buồn bã: "Một chiếc lá khô từ từ rơi qua cửa sổ. Trung nhìn chiếc lá, chạnh nghĩ đến thân. Chẳng buồn rầu nhận ra rằng mộng tưởng của chàng chỉ như chiếc lá rơi" (TĐ: Con đường râm mát, tr. 147). Luận lý Hoàng Đạo là một luận lý khỏe mạnh, lạc quan dẫn dắt con người đến với sự vui sống, yêu đời trong từng ý nghĩa nhỏ mọn của đời. Bởi thế nhà văn đã tìm đủ mọi cách (đôi khi thiếu nghệ thuật) để đưa đầy nhân vật mình chạy trốn khỏi những điều gì u ám, vượt thoát khỏi sự ma mị huyền diệu của một phía bề mặt tối của cuộc đời, từ bỏ những ảo tưởng ác hại để ném trả nó lại với cuộc đời dựng đứng trước mặt, xô đến dựng đứng lại với thực tại luôn luôn đòi hỏi phần đầu: trường hợp những truyện "Tiếng đàn, Tiếng pháo Xuân, Quỳnh Dao, Thong Thà, Hoa Thủy Tiên...". Về mặt hình thức, trên phương diện kết cấu, để nâng đỡ cho những dụng ý trên, Hoàng Đạo còn tận dụng một kỹ thuật xây dựng nên những đoạn kết đầy tính chất bất ngờ, đột biến tựa như truyện trinh thám nhằm làm nổi bật lên chủ ý toàn truyện của tác giả. (Những truyện: Không lấy vợ, Phiêu lưu, Ánh sáng...). Vì thế truyện ngắn ở đây đôi khi chỉ là một cái đà đưa đẩy, một cơ hội để bày tỏ, một cái cớ rất luận để giúp tác giả giải thích lý do hiện hữu từ trước của một giọng chữ nằm ở chỗ cuối cùng của truyện (Những truyện: Một gia đình, Tiếng sáo Thiên Thai, Sắc không...). Thêm một lần nữa Hoàng Đạo đã cho thấy trong những bước ban đầu ông là nhà văn ưa thích tận dụng những kỹ thuật để cao biền tượng một cách lộ liễu (Trang cuối cùng của CDS là một đoạn văn quen thuộc đối với học sinh — được trích làm bài giảng văn tiêu biểu: biểu tượng về giàn đậu vắn), chủ trương dàn xếp và sắp đặt rất mạnh bạo trong tác phẩm mình nhằm đưa nó đến mục đích phụng sự rõ ràng, buộc tác phẩm chạy theo trật tự của tác giả, đặt cho tác phẩm một chủ ý ở ngoài tác phẩm và vì thế vô tình đẩy tác phẩm đến chỗ bị tiêu diệt. Tuy vậy, đó chỉ là một ý muốn đơn thuần của Hoàng Đạo, một ý muốn cổ đơn của một nhà văn đối với chính tác phẩm của ông ta. Và trở lại với Hoàng Đạo, như người ta thấy, bằng cách này hay bằng cách khác, thực khó lòng để thoát ra khỏi được sự bủa vây kín ghệt của cái mà người ta gọi là Tiểu thuyết luận đề.

chung cho nhiều người thì thực ra đó chỉ là một cách nói che đậy sự thực vì chính tiểu thuyết luận đề là loại tiểu thuyết trong đó tác giả đã in dấu bản ngã của mình đậm nét nhất bởi sự can thiệp quá nồng nhiệt của ông ta vào trong tác phẩm. Tiểu thuyết luận đề chỉ là một phương tiện để cá nhân chủ nghĩa cầu cứu chính nó. Bởi thế loại tiểu thuyết này không thể đứng vững được lâu dài trong thời gian: Chính trong thời gian nó đã thất bại. Chỉ cần nghe nhà luận đề học nổi tiếng nhất nói về số phận những tác phẩm luận đề của mình như sau: "Cái làm thứ tư của tôi là đã để cái ý định dùng Tiểu thuyết làm một việc gì (viết luận đề tiểu thuyết) lên trên cái ý định viết một cuốn tiểu thuyết hay... Độ ấy tôi chỉ coi nhân vật như những quân cờ để đánh một ván bài, họ không phải là cái chính... không theo sát cuộc đời thực là mục đích chính của tiểu thuyết mà bóp méo cuộc đời đi để lợi cho luận đề của mình" (Nhất Linh: Viết và đọc tiểu thuyết). Hoặc như nhận xét của Thạch Lam, nhà văn ít luận đề nhất trong thời bấy giờ: "Chúng ta thấy rằng những tiểu thuyết luận đề mà trong đó tác giả cố ý bắt buộc các việc xảy ra, tâm lý các nhân vật phải theo ý định của mình, những tiểu thuyết đó đều ít giá trị, bởi không thật" (Theo Đông).

Trường hợp Hoàng Đạo, không thể chối bỏ được rằng ông là một tiểu thuyết gia luận đề. Nếu được hiểu trên khía cạnh này, nhà văn Hoàng Đạo thực không có gì đặc sắc, nói rõ hơn viết về một luận đề (và những gì chung quanh luận đề đó) Hoàng Đạo không làm sao làm hơn được những người đi trước ông. Đọc Hoàng Đạo, người ta vẫn có cái cảm tưởng khó chịu rằng có ở đó, nơi văn chương HĐ, một chút gì của Nhất Linh, một chút gì của Thạch Lam, một chút gì của Khái Hưng: ảnh hưởng bao trùm của Tự Lực văn đoàn sau

mấy năm tung hoành, đã để lại nơi HĐ, một tiểu thuyết gia mới vào nghề, những tang chứng không chối cãi được (Thí dụ truyện ngắn "Dưới làn sóng" đã nhắc người đọc nhớ nhiều đến truyện "Ánh chiều qua") Nhưng có thực rằng H. Đạo từ nghề viết báo quay qua nghề viết văn cũng chỉ là để đi theo những vết chân của bạn mình, những vết chân quá huy hoàng khó lòng vượt qua được? Với tư cách một nhà văn đến sau, HĐ còn có một ẩn ý nào để đổi khác trong dòng văn chương đã có trước mặt ông? Nói một cách khác, thử quên đi Tự Lực văn đoàn, thử quên đi cái bệnh luận đề cũ cũ mới mới, nơi văn chương ngắn ngủi của Hoàng Đạo, còn có thể còn lại những gì?

CHÍNH cái phần bóng tối ám ảnh trong tác phẩm Hoàng Đạo mà tác giả đã cố ý từ khước để thay vào đó phần mặt sáng sủa của ý thức lành mạnh mới chính là cái đã làm nên bản sắc đặc biệt của HĐ. Có thể nói ông đã có riêng một cách thể khác lạ hẳn để nói về phần nội tâm sâu kín của mỗi người, một thể điệu diễn tả đầy hình ảnh đột ngột trong một vẻ trầm tĩnh ngọt ngào: "Duy thấy lạnh ở vai, chàng tưởng như một mình chàng phải chịu tất cả những nỗi buồn của hết thảy các cuộc đời trên thế gian... Bao giờ cũng vậy, khi một cuộc vui mê mệt với các bạn bè đến lúc hết, chàng cảm thấy tro vơ đứng một mình ở đời, một môi, và có một sự yên tĩnh hiện ra, sừng sững như một dãy núi cao lớn, nặng nề mà người bộ hành về chiều thấy đứng vững trước mặt khi dừng chân ngừng đầu lên nhìn" (CDS, tr. 13, 15). Nhân vật chính trong CDS là đặc biệt nổi bật trong phần đầu của truyện bởi cái cách thể đối xử khá độc đáo của hắn đối với đời sống dân ra trước mặt: hắn luôn luôn loay hoay với những bản khoản dày vò về ý nghĩa cuộc đời, không lúc nào (Xem tiếp trang 14)

Tiểu thuyết luận đề là gì? Tóm một đôi lời, Tiểu thuyết không có tự do. Đó là một loại tiểu thuyết có thể nói là tiên nghiệm, loại tiểu thuyết từ chối mọi viễn tượng khả thể cho chính định mệnh văn chương, loại tiểu thuyết tự đặt cho mình một đời tiên tri có giới hạn, loại tiểu thuyết đầy rẫy những dụng ý lộ liễu, là loại tiểu thuyết mang một tính chất biến tượng cực mạnh: khi tiểu thuyết cường chế tiểu thuyết, tiểu thuyết ép bức chính tiểu thuyết. Khi nhà tiểu thuyết luận đề nói rằng tôi viết tiểu thuyết luận đề nhằm phục vụ quần chúng, hướng đến đa số độc giả và để bày tỏ một quan niệm sống

TÂN VY



NGỌN THỦY TRIỀU

Những tình thư nào lênh đênh như
buổi chiều xếp vào sông từng nếp nhăn
một phảng vảng trên ngò bầu trời xám
những bị mặt khép kín thêm vành mi

Cành chim nào lẻ bạn đui hui
sóng lạnh lùng lên cao với nỗi buồn
gió bụi loăng tưng không, bóng chiều
trở giấc,
một mình tôi không thể buồn thêm.

Tiếng thở dài nào gởi theo dòng nước như
thuyền no gió
hưn hút mây giăng mù mờ tình cờ
trót theo mưa rớt hột đuôi theo tìm
lúc tàn phai rừ cánh phù du

Tôi chết đuối trong tình yêu cảm nín
như bóng mây trên ngọn thủy triều sâu

LỬA TẮT

Đất khô thêm mùi cỏ cháy.
Chiều tôi chậm nâng nhạt vàng hanh.
Không ru cánh cây là biển.

Mảnh mang hồn phủ trắng hoa.
Tiếng dương cầm chấp chới chiều
ngơ ngẩn,
Giấy phất buồn trôi bồng mù sương.

Lệ mộng ngập ngừng mang đến hình
ảnh vỡ.
Nhuộm sắc mây nghiêng, bóng nước
trên sông.
Thoát đã nằm yên cơn sóng nhỏ.



HÀ NGUYỄN THẠCH

THEO GIÒNG

cho ngày 10-7-70

bước chân mùa nhịp mầu tươi
thềm tìm em dấu là tôi rung vàng
chất chiều từng hạt lấm thân
bụi cay mắt lệ tình hoang vu chờ
ràng trong ánh nọ cảnh thưa
chút bao dung trái có vira dấu chìm

ngày xa bóng, nắng trông tìm
gap trên bãi nổi sầu đêm ngủ vùi
cát chao giắc sóng ngầm ngủi
nước chia trâm nhánh lóng xuôi bến nào
cuối sông giòng cũng nghẹn ngào
nhìn nhau lay vẫy xin chào biển hoang

HUY CẬN tên thật là Cù Huy Cận sinh ngày 31-3-1919 tại làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Như vậy là năm nay Huy Cận đã 51 tuổi, lớn hơn Tố Hữu 1 tuổi và kém Xuân Diệu 2 tuổi. Gia đình của Huy Cận thuộc hàng địa chủ giàu có tiếng ở Hà Tĩnh thời trước. Lớn lên Huy Cận được gia đình cho vào Huế, thi đậu học ở Trường Quốc Học Huế. Sau, ra Hà nội học Trường Cao đẳng Nông Lâm. Từ những ngày đó, Huy Cận bắt đầu tập tễnh làm thơ.

Vào năm 1936, Huy Cận cộng tác viết trên báo "Trăng An". "Sông Hương". Năm 1938 trở về sau cho đăng thơ ở báo "Ngày Nay". Tác phẩm xuất bản nổi tiếng thời tiền chiến của Huy Cận là tập thơ "LỬA THIÊNG" (Nhà Xuất bản Đời Nay. Hà nội 1940).

Viết về Huy Cận, Xuân Diệu đã viết lời tựa cho tập LỬA THIÊNG; giới thiệu như sau :

"... Trong thơ Việt Nam, nghe bay đầy một tiếng dịch buồn. Không phải sao Thiên Thai, không phải điệu ai tình, không phải lời LY TAO kể chuyện một cái "TÔI"; mà đây là một bản ngâm ngợi dài : có phải tiếng đau hân của khóm trúc, bông lau ; có phải niềm than van của bờ sông, bãi cát ; có phải mặt trăng một mình đang cảm thương các vì sao ? Tiếng rầu rĩ dịu êm sẽ vẫn lấy ta như một giọt lụy ươm ớp một vết đau ; tiếng len thấm thía vào hồn ta như một khí hậu của núi đồi ; tiếng làm thành sương, đọng trên mắt ta... Thơ Huy Cận đó ư ?..."

Ở đoạn khác, Xuân Diệu tả Huy Cận : "Chàng sống hay giờ ở đây, ở nửa thế kỷ hai mươi, đang đi giữa đường phố kia, mặt ngược lên, mái tóc sau đầu vung như tập lông con cò, con hạt. Ấy là Huy Cận đó ; ..."

Và ngay như Hoài Châu và Hoài Thanh trong "THI NHÂN VIỆT NAM" cũng đã viết về Huy Cận :

".....Cái buồn của LỬA THIÊNG là cái buồn tỏa ra từ đáy hồn một người cơ hồ không biết đến ngoại cảnh. Có người làm thơ phải tìm những cảnh nên thơ. Huy Cận không thế. Nguồn thơ đã sẵn trong lòng, đời thì nhân không cần có nhiều chuyện. Huy Cận có lẽ đã sống một cuộc đời rất bình thường, nhưng người luôn luôn lắng nghe mình sống để ghi lấy cái nhịp nhàng lặng lẽ của thế giới bên trong..."

Những lời giới thiệu và phê bình được trích trên đây, tưởng cũng quá đủ để nói về tài năng và giá trị nghệ thuật những tác phẩm của Huy Cận sáng tác thời tiền chiến. Và trong những bài thơ của Huy Cận, bài thơ "Ngậm Ngùi" được ca tụng, nhắc nhở đến nhiều nhất. Phạm Duy đã phổ nhạc, trong chúng ta, ít nhất một lần đã được nghe.

Ta cũng tưởng thiện tài đó càng ngày càng xuất sắc, tuyệt vời hơn lên theo năm tháng và kinh nghiệm của đời người nhưng trái ngược lại điều ta nghĩ, ta đợi chờ. Sau những năm kháng chiến và về Hà nội cho đến hôm nay, thơ Huy Cận là một sự đổ dốc, đáng phàn nàn, kém hơn những bài thơ trong tập "LỬA THIÊNG" của ngày xưa. Vì đâu nên nỗi ?

Như chúng ta đã biết, từ năm 1945 trong danh sách nội các lâm thời

của chính phủ Việt Minh được công bố ở Hà nội, Cù Huy Cận là Thứ trưởng Bộ Thanh Niên.

Sự kiện trên đây nó bắt nguồn từ một nguyên cớ sâu xa về trước chứ không phải bỗng dưng một anh văn nghệ sĩ, một nhà thơ phi chính trị lại được Đảng Cộng Sản Đông Dương mời vào chung cổ. Ở trường hợp của các cụ Nguyễn hải Thần, của Nhất Linh Nguyễn tường Tam, của Phan Kế Toại v.v... nó có lý do rõ rệt là vì nhu cầu chiến lược giai đoạn trong tình thế Đảng Cộng Sản yếu thế, không có uy tín với toàn dân và vì nhu cầu tuyên truyền lôi kéo quần chúng mập mờ đánh lận. Ở trường hợp Huy Cận thì không. Huy Cận chưa đủ uy tín chính trị để tăng cường uy tín cho chính phủ đó.

Nếu bảo rằng, vì Huy Cận là một lãnh tụ của Đảng Dân Chủ V.N. do Dương đức Hiền làm Tổng Bí Thư và cũng là Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên, Chánh phủ Việt Nam giao Bộ

Trần bưu Kiểm ở miền Nam. Điều này, chiến thuật này ngày nay trở thành quá quen thuộc đối với mọi người.

Do đó, không ai lấy làm lạ tại sao, cái gọi là "Hội Nghị Tân Trào" của Mặt Trận Việt Minh trước ngày cướp chính quyền 1945, những đoàn thể, đảng phái quốc gia không được Đảng Cộng Sản mời mà lại mời Đảng Dân Chủ. Chỉ tội cho những anh em đảng viên Dân Chủ thực sự ở cấp dưới, không biết gì cả, cứ phải âm ỉ hội tề suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, rồi sau này thì bị sống dở chết dở, bị đối xử còn tệ hơn là quân chúng thường ở miền Bắc.

Với nhiệm vụ thứ trưởng của Bộ Thanh Niên, từ năm 1945 cho suốt cả 9 năm kháng chiến chống Pháp, xem như Huy Cận đã già từ cuộc đời văn nghệ sĩ, không còn sáng tác viết lách gì. Qua 9 năm kháng chiến, Huy Cận im hơi lặng tiếng ở chiến khu Việt Bắc. Trên các báo Văn Nghệ Cứu Quốc

lần ca tụng "Bác và Đảng". Ca tụng càng nhiều càng được Đảng tin cậy, vừa lòng. Có thể địa vị mới vững, mới được Đảng chiều chuộng. Văn nghệ sĩ nào không thuộc lòng quy luật đó coi như cuộc đời mình bị tàn lụi.

Kể thì ca tụng theo kiểu này. Kể thì hát theo kiểu kia. Không ai không ca, không hát. Ngay như Tố Hữu thuộc hàng lãnh tụ cao vời vợi, bí thư trong Ban Bí Thư Trung Ương Đảng, nào đã kém ai, còn phải "ca" trong BÀI CA THĂNG MƯƠI:

Việt Nam có Bác Hồ
Thế giới có Staline
Đảng ta phải mạnh to
Thế giới phải do mình

Nhưng Huy Cận thì không. Suốt chín năm kháng chiến và cho đến hôm nay, trên đất Hà nội, tuyệt nhiên Huy Cận không hề viết khen lấy "Bác" một chữ, ca tụng Đảng lấy một câu. Dĩ nhiên đâu phải Huy Cận "mình đồng xương sắt", hay đại khờ gì chẳng biết điều đó. Vậy mà Huy Cận nhất định không ca. Không ca, không bày tỏ "quan điểm lập trường đối với Bác, Đảng" Huy Cận vẫn cứ là thứ trưởng, nhân viên cao cấp của nội các miền Bắc. Vững như bàn thạch.

Năm 1945, Huy Cận là thứ trưởng Bộ Thanh Niên. Năm 1955 về Hà nội, Huy Cận đã là thứ trưởng Bộ Văn Hóa tự bao giờ. Bộ Văn Hóa, của chế độ miền Bắc là Văn Hóa Thông Tin, Tuyên Truyền. Một Bộ quan trọng. Huy Cận là 1 trong hai thứ trưởng của Bộ này, đặc trách về Văn Học Nghệ Thuật...

Sự kiện trên, tưởng không cần giải thích, mọi người cũng đã hiểu vai trò lãnh đạo ngầm, vị trí chính trị đối với Đảng, cái "vô ngoài cần thiết" của Huy Cận, tất cả đều do Đảng chỉ thị cho Huy Cận phải làm như vậy.

Trên phương diện hạn hẹp, trong hàng văn nghệ sĩ tiền chiến, chỉ có mỗi Xuân Diệu là bạn thân nhất của Huy Cận. Tình bạn này bắt nguồn từ những năm tiền chiến. Trong tập thơ "LỬA THIÊNG" xuất bản năm 1940, Huy Cận đã chẳng giao cho Xuân Diệu viết lời tựa đó sao ? Cả hai đứa đã mến nhau, "phục thi" nhau, chơi với nhau như đôi bạn tri âm, tri kỷ. Trong tập "LỬA THIÊNG" Huy Cận đã viết cho Xuân Diệu trong bài MAI SAU :

Chiều nay đây nửa thế kỷ hai mươi
Viết dăm câu tôi gửi lại vài người
Những thế hệ mai sau, làm bạn...
Hỡi ai đó có nhớ lòng Huy Cận
Gọi gió trăng mà thò thế lời trên.
Rất thương yêu xin gọi giùm tên
Rất an ủi của bạn chàng : Xuân
Diệu !

Trong kháng chiến, tuy địa vị và cương vị công tác của hai người khác biệt nhau xa nhưng cả hai vẫn thư từ liên lạc thường xuyên. Thỉnh thoảng có dịp là đi thăm nhau, sống với nhau vài ngày. Và trong cuộc đời (Xem tiếp trang 14)



Thanh Niên cho Đảng Dân Chủ giữ ghế, thì Huy Cận được cử thứ trưởng là chuyện tất nhiên. Thoạt nghe, điều này có vẻ hợp lý. Nhưng khi những bí mật bên trong được tiết lộ thì lý do trên đây không còn đứng vững nữa.

Từ 1940, sau khi tập thơ "LỬA THIÊNG" của Huy Cận được trình làng và nổi tiếng, Đảng Cộng Sản Đông Dương liền "tri vậ", có kéo Huy Cận về phe mình hòng tạo thành con cờ đặc dụng cho mình về sau. Lập tức, Đặng thái Mai được lệnh tiếp xúc và vận động bí mật với Huy Cận. Đặng Thái Mai nguyên là tiến sĩ triết học nổi tiếng trong giới trí thức Hà nội lúc bấy giờ, nhận chân giáo sư triết tại trường tư thục Thăng Long do Hoàng minh Giám làm Hiệu trưởng. Đặng thái Mai vừa là bạn đồng nghiệp của Võ nguyên Giáp, giáo sư sư phạm của "Thăng Long" và cũng là anh em bạn rể với Võ nguyên Giáp. Đặng thái Mai lấy chị, Võ nguyên Giáp lấy em.

Đôi anh em bạn rể ấy, Giáp trước, Mai sau đều là đảng viên C.S. từ khuya rồi, thì cái việc thân thiện giữa Mai và Huy Cận mà nhiều người biết sau những năm 40, đã giải thích một trái chính trị của Huy Cận. Vậy mà vài năm sau, đột nhiên trong hàng ngũ lãnh đạo Đảng Dân Chủ vừa mới thành lập có tên Cù Huy Cận.

Không cần nói ta cũng hiểu, Huy Cận là một đảng viên C.S được Đảng chiết phái sang chỉ phối, lãnh đạo ngầm Đảng Dân Chủ. Bề mặt, bề nổi Cận là đảng viên Dân Chủ nhưng bề trái, mặt chìm là cán bộ Cộng Sản chính danh. Trường hợp của Huy Cận ở miền Bắc là trường hợp của

họa hoảng lắm mới thấy đằng một bài thơ của Huy Cận. Loại thơ kháng chiến mà thơ chẳng ra thơ, ca dao chẳng giống ca dao nên chẳng ai buồn đọc, buồn nhớ. Soát lại thời kỳ đó, kiểu thơ trên đây của Huy Cận đếm không được mười bài, dù không quá mười câu.

Ở rừng Việt Bắc, Huy Cận chỉ làm công tác chính trị. Ngồi ở văn phòng. Thỉnh thoảng đội nón nân, chống gậy tre, mặc quần áo ta, đi dẹp Bình Trị Thiên, lưng mang sắc cốt, cỡi ngựa đi công tác đến các Ban Chấp Hành Thanh Niên Cứu Quốc, Phụ Nữ Cứu Quốc ở tỉnh, ở khu hay đi dự hội nghị, nói chuyện trong các lớp huấn luyện cán bộ của Đảng Dân Chủ.

Cứ thế, Đi thì thôi, ở nhà thì Huy Cận lúc nào cũng đắm chìm, suy nghĩ, lúc ngồi cũng như lúc nằm. Bởi công việc của Huy Cận có hạn hẹp gì đâu, công việc của một cán bộ lãnh đạo đường lối thì vai trò "năm vừng" của Huy Cận đòi hỏi một sự giữ gìn kín đáo, thủ thế, tế nhị và phải có tạo cho mình một sắc thái chính trị lưng chừng, một cái "vô ngoài đạo đức" cần thiết để đảng viên Dân Chủ bên dưới tin cậy. Còn đối với Đảng Cộng Sản Đông Dương, sau này thành Đảng Lao Động, Đảng cũng chỉ mong cho Huy Cận đóng trọn vai trò "cáo đội lốt thỏ" mà thôi.

Cho nên, không hiểu rõ như thế, đại đa số cán bộ kháng chiến thời ấy, thối mắc, lấy làm lạ tại sao Huy Cận cứ nhàn nhàn, ngô chẳng ra ngô, khoai chẳng ra khoai, chẳng bộc lộ một thái độ, một lập trường rõ rệt nào, nhất là ở cương vị của một văn nghệ sĩ.

Theo thông lệ và cũng được xem là quy luật của chế độ miền Bắc, văn nghệ sĩ nào cũng phải viết ít ra là một



lời chào xa quảng trị

Xin tạm biệt em

sáng mai ta không còn nữa
đều ước vọng ngày trở về năm trước vẫn chưa người
ta biết ra đi là sẽ nhớ
như ngày nào lang thang ở Saigon, vất vả Dalat, lạc
lũng tại Camranh
rất nhớ rất mong ngày trở lại cùng em.

Xin tạm biệt em

đường bao giờ buồn xối
đều chiến tranh mấy mươi năm thiếu đứt cuộc đời
đều hôm nay vẫn đêm ngày đem thân đồ đạc
mùa xuân khốn đốn, kinh hoàng này sẽ qua đi
xin em một lần tin như thế.

Xin tạm biệt em

hãy cho ta gói lời thăm
con đường Hồ đặc hành dài thăm tới mỗ đã mang tên
bờ để tình đi
khu xóm Chuối ta chui rúc những ngày buồn nản vẫn vor
quán café chủ Tàu ta say mùi vị
và đây phố Hưng Đạo, Quang Trung rộn bóng người
ngồi trường Nguyễn Hoàng hôm qua hôm kia còn bao
đang đời ta cùng bằng hữu

Xin chào em

ngày mai ta cất bước ra đi
đừng hỏi tại sao
đừng đo lường mức độ

cuộc sống hôm nay nhiều nỗi坎
em chẳng biết gì ư ?

Xin giữ biệt căn nhà ta ở, vườn cây trái ta ăn, giếng
trồng xanh ta uống, chiếc hồ lớn ta bơi, con sông
dài ta tắm

Xin giữ biệt phòng sách bệ bệ, quần áo, báo chí ngón
ngang cho ta những ngày sum vầy cùng bè bạn

Xin giữ biệt chiếc xe đạp cũ thân mật đưa ta rong chơi
trong hang cùng ngõ hẻm, phố xá hoa viên

Xin giữ biệt bánh dẻo, nem lụi Sài, thơm chuối Gio Linh
nước mắm Gia Định bắp Ba Lòng, mít thơm Cam Lộ
cho ta mùi vị quê hương

Xin giữ biệt nón La Vang, quạt An Lộng cho ta bóng gió
ngày hè, đêm trời nóng hằm thịt d

Xin từ biệt em

có lẽ một ngày mai ta về sẽ lo
đầu gối tóc đi
rầu không còn nữa
chân giày dính
đỏ nguy trang đầy bụi bặm
quần rách gối sờn lưng
vai bu lỏ sưng dạn

Có lẽ ngày trở về là ngày ta cho em hơi thở, truyền cho
em đồng màu đỏ, rồi nằm im trên thịt da em, nghe
tim em đập, nghe tiếng em cười, nghe bước chân
em đi

ôi đó là giây phút ta sung sướng nhất đời

có lẽ ngày ta trở về sông Hiền Lương không còn giới
truyền, cầu Bến Hải không phải ranh giới chia phân
và các di dân đều tìm về đất tổ
ôi hạnh phúc nào hơn.

Xin em đừng trách những người gây ra chiến cuộc

Họ biết gì đâu khi quá tim biến thành sắt đá—khí quyền
lợi đã được nguy trang và—liên hoan phát can
bằng xác chết

Chung gia nào thiếu đứt con người
mặt trận nào tàn phá quê hương
em phải nhớ để nhắc nhở con cháu ngày sau tạc đá
đầu cuộc chiến này nhân loại phải quên đi

Xin từ biệt em con phố thành vàng trăn đ

thành phố của những gì rất quen thuộc
thành phố đã bao năm nuôi sống đời ta <

TRẦN THẾ NGHIỆP

đoạn nối tiếp cho ngổ hữu

1.

Anh sẽ trở về Phan Thiết
đều nói đó không cho anh những ngày thơ dại
không nuôi anh lớn khôn
đều nói đó không có cha mẹ đôi mắt
không có mẹ thương nhớ chờ mong
anh cũng trở về Phan Thiết
mặc dù chiến tranh sôi bỏng
mặc dù có đàn anh vừa gục ở Nora
hồi em hồi em không bao giờ biết
anh không đi tìm một vòng hoa
anh xin làm người theo chân Hàn Mạc Tử
kể si tình tìm đến quê hương em
ôi Phan Thiết
một triệu lần thăm gọi
con bướm trời đã bay cao
hồi em không bao giờ biết
lầu ông Hoàng cũng chờ vơ
khí bước chân em chỉ một lần qua đó
là anh một đời bơ vơ

2.

Trong khu vườn xưa đầy thảo mộc
ôi những chiều xanh
tháng ngày còn thơm tức nước
thật khốn khổ cho anh
thành phố chúng ta vẫn thao thức
ngâm năm
cũng tiêu diêu hoang vắng
bây giờ
anh nhớ em
hồi em hồi em không bao giờ biết

3.

Buổi sáng không ăn đứng nhìn đồn vắng
không lý do
không hy vọng
con chim nào vừa hót
chiếc phi cơ nào bay lên
sao tôi bám vĩa một cổ định
sao em bước thăm đầu chân chim
rất nhẹ nhàng cũng nghe vang động

từ phương nào một vết kim
hồi em hồi em không bao giờ biết
Prévert mua buồn.

4.

Máu mủ đã hòa với lòng đất
hồn mủ đã nhập dệt cơ cây
hãy ngủ yên đi Hữu
Phan Thiết sẽ vĩnh viễn của mây
hãy ngủ yên đi Hữu
đừng thức mắc đường hoang mang
đời sống ngày xưa khốn khổ là thế
anh mây làm nghề sửa xe đạp cho mây đi học bảy
năm trường
rời mây vào sài gòn đạp cyclo mỗi buổi sáng để
bưởi chiều tiếp tục đại học

đổ bằng cử nhân để làm gì?

có phải là cái bà hồ mạt như mây nghĩ ?
câu trả lời thật dễ dàng như cái chết của mây
đều sao tạo vãn ca ngợi
một lần mây trở về Phan Thiết
tìm giấc ngủ ngàn năm
hãy ngủ yên đi Hữu

5.

Hãy ngủ yên đi Hữu
con Diệp rồi nó cũng sẽ lấy chồng
như chiếc cột douze của mây cũng qua tay kẻ khác
đừng thức mắc, đừng hoang mang
như chiếc cyclo của mây sẽ có người đạp
đừng thức mắc đường hoang mang
về ý nghĩa một chọn lựa
về thời giá một mảnh bằng
rời tất cả sẽ cùng nhau đổi khác
cái giá trị là con số không
cái vô nghĩa nhất sẽ nghĩa lý nhất
như mây đã đánh đổi sự sống
cho thành địa tình yêu
ôi Phan Thiết, Phan Thiết
ngâm năm của mây
hãy ngủ yên
hãy ngủ yên đi Hữu <



nói với đà năng

tiếp theo trang 7

xuân tang ? Của người chết xuân Mậu Thân loạn
lạc, trở về đời nọ trần gian ?

Đó Khanh, đó là nỗi bất hạnh bất gặp trong
tuổi lính tao bán rẻ cho cuộc chiến — mười hai
tháng lương chưa đầy trăm nghìn bạc — trăm nghìn
bạc Khanh ơi !

BẦY giờ mây hãy lắng nghe tiếng phản lực cơ
từ ngoài khơi Đà Nẵng, tiếng sắt thiết vận xa
rung chuyển Hòa Cầm, tiếng đoàn xe chở quân qua
Vinh Điện, đồi 55. Hãy lắng nghe trong máy phát
thanh tiếng em gái hậu phương rưng rưng, mặt đỏ,
tiếng pha lê đêm yên tĩnh Sligón, tiếng cười ở
Giảng hồ Chu Lai, Cam Ranh, tiếng đàn ca bằng
nhạc Jo Marcel. Hãy lắng nghe tiếng loa vang lòng
bóng tối, tiếng chân đi đêm, tiếng đánh nhau súng từ
chiến trường gần thành phố, tiếng đại bác đều xé nát
quê hương. Hãy lắng nghe thêm nữa, tiếng rên rĩ
người chiến bại, tiếng vợ khóc chồng, tiếng mẹ à
ơi rồi rồi ru con... Tao đã lắng nghe và buồn muốn
khóc, ốm sùng năm yên. Trung đội mười mấy tháng
không làm nên lịch sử, mười mấy tháng tay trắng
trương lai đen. Xin chém đầu tao trước khi cho đi
phép. Thôi mây đừng vào đây, đừng làm một
chuyến đi xa. Mây không làm nên lịch sử — tao
cũng vậy — là vết bầm tay bầm trên trang sử máu
— máu của bọn mình.

Bây giờ ở đây mang hận thù canh bạc đời biên
lận, thăng bôn ba sương gió nổi chết không rời.
thằng tiệp từng khiêu vũ suốt năm vui. Tao không
đòi công bằng — làm gì có công bằng — không phen
lẽ tính toán, muốn tâm sự với mây thân phận khốn
khó tao trot mang. Trung đội mây, trung đội tao
bao nhiêu tháng gục không, bao nhiêu súng gặc
thu về ? Đừng kiêu hãnh và cũng không ngại ngừng
khi nói đến chiến tranh. Hãy cúi đầu thật thấp,
bước đi ; hãy cảm lạnh nhận vết thương, hãy bình
yên nằm xuống, phần đất dành cho mình sẽ vừa
hai thước quan tài. Sẽ không còn vết tay bầm trên
trang sử — máu sẽ xóa hết. Biết đâu một ngày,
một tháng, một năm nào đó có thằng dốt lửa thiếu
vùng địa ngục, tao mây về thiên đường, mây sẽ làm
gì ? Tao xin thành một cánh chim. Thăm
lại Ashau, Nam Đông, Tùng Sơn, Phong Thủ thăm
U Minh, núi Bà Đột, Kiến Văn, thăm cả phe
Dung, quán Sầu, Hoa Phượng, thăm Lam, Mỹ,
Oanh hát rộn bình minh, hát khúc thái bình, hát
ngày hợp mặt, hát đêm lửa trại Việt Nam.

Bây giờ ở đây, chiến trường Thất Sơn vừa lắng
địu, chiếm núi Bà Đột mở đường đi Tri Tôn. Hai
bàn tay tạo đây máu, máu thơm mùi mực mười
mấy năm sách đèn lò đỏ, máu tanh mùi bún Đồng
Tháp, Cà Mau, máu hôi mùi nắng hạ Trường Sơn.
Tiếng động đã yên chưa Khanh ? Sự yên lặng giả
tạo thật nghĩ ngờ, hãy trở lại tự đầu, hãy mở khóa
an toàn, hãy gãi bầy mìn playmore, tạc đạn, hãy
chàng kềm gai, hãy báo động, Ờ, tất cả sẽ tỉnh cơn
mê, xuống hầm trú ẩn, đạn pháo kích nổ trên đầu,
mã tẩu ghim bên cửa, lửa cháy khu Nam, lửa tràn
hương Bắc. Mây thấy gì không Khanh ? Trong bóng
tối có những thầy ma, loài yêu quý xuất hiện. Còn
chờ gì nữa Khanh ? Hãy khai hỏa, hãy cho nổ mìn,
hãy bắn trái sáng, hãy gọi pháo binh. Lạy chúa tha
tội cho con.

BẦY giờ trời sắp sáng, tao nhớ đến mây. Anh
nhớ đến em. Xin cho giọt nước. Không có gì
cứu chuộc, không còn gì cứu rỗi linh hồn. Cảm ơn
đời, cảm ơn chiến tranh, cảm ơn mây, cảm ơn,
Oanh ơi ! <

Hồi tối hơi lên cơn, anh uống luôn hai viên thuốc, ngủ một giấc ngon tới sáng. Trong mơ, anh thấy một chiếc xe G.M.C. chở đầy sĩ-quân ra phi trường. Anh hỏi hoảng đến nỗi phải lạnh buốt cả xương sống để rùng mình thức giấc. 6g45ph. Anh bật người dậy, đã tung mền, đứng lên. 7g30ph lên phi trường.

Hấp tấp đủ chuyện, vậy mà anh cũng còn nhớ chạy ra phố mua một đống mì dài mang theo. Anh l-a-l-ghê khiên tài quân trang tới quán-vận-khu đã lên xe đưa đi.

Xe chạy đến phi trường Ban mê thuật gần Gò. Giũ từ những hàng cây âm thầm bụi đỏ.

8g 15ph máy bay C.130 ồn ào tới. C130 to như 1 con bộ hung trần cẳng cạp. Anh nhón nhấc chạy ra. Lạy trời mây bay đi Tuy hòa! Nhiều người khác cũng hùng hục chạy tới, về mong ngóng. Đi đâu? Đi đâu? Có tiếng hô lớn: máy bay đi Tuy hòa. Anh mừng như nghe lời Chúa phán, mừng ơi là mừng.

Anh lồi xềnh xệch từ quân trang cồng kềnh tới gần phi cơ, như sợ mất phần. Cánh quạt còn quay vù vù. Một thằng Mỹ chân anh lại. Nó chỉ cánh quạt rồi chệch ngơ cò. Anh cười.

Phi-cơ khi sắp cất cánh, động cơ nổ mạnh quá, anh có cảm giác như chính anh cũng phát nổ theo. Nó chạy mạnh để lấy đà rồi cất mình bay lên. Khung cảnh chao nghiêng ở dưới. Ban mê thuật lão đạo, từng chùm xanh mờ khuất.

Anh nhìn chếch qua lồng phi cơ bên kia. Tụi Mỹ, đứa ngồi yên lặng coi báo, đứa ngủ gà ngủ gật. Đặc biệt có một thằng rất trẻ, đôi mắt tròn bi ve ngọc ngà. Nó cỡ 17, 18, có vẻ gì rất khờ dại như một thí sĩ. Nó bịt kín cả hai tai, khờ sờ ra mắt. Nó như lạc vào một vùng sương mù nào đó, đang cố sức vùng vẫy để tìm lối ra. Bất ngờ, nó nhìn về hướng anh. Chắc nó thấy anh nhìn nó quá chăm chú và cười cười như chế diễu, nó rút tay lại rất nhanh, đáng bẽ lên, hai bàn tay xoa xoa vào nhau. Nó cố trấn tĩnh, ngơ ngếch một cách thú vị.

Lúc đến Nha Trang, khi tất cả xuống phi cơ nghĩ một tí cho thoải mái, anh thấy nó mãi mê đùa giỡn với con sóc thật xinh. Con sóc, lông xám mượt, đuôi dài xòe ra như cò măng, chạy tung tăng từ bàn tay nó lên vai rồi thoát nhanh ra sau lưng, như chạy trốn. Đôi mắt nó 10 phần thích thú, tay nghịch ngợm như một đứa bé. Hình như nó đang sống trong một thế giới khác, rất non tơ. Nó đeo lon Trung sĩ. Chắc chú bé làm thơ nhiều lắm.

Độ 10 giờ, phi cơ quần trên thành phố Tuy Hòa. Phi cơ rung chuyển như chiếc thuyền đang gặp nghìn con sóng lớn. Anh bị giật mạnh và nhẹ thót cả bụng dưới. Nhẹ thót hẳn lại.

Anh vẫn cố ráng ngồi đầu nhìn qua khung cửa nhỏ. Tuy hòa lượn lờ nhỏ bé và nhợt nhạt. Mênh mông cát. Bãi hoang đầy. Cây từng lùm thưa thớt. Nhà cửa lờn ngồn. cong quanh.

Phi cơ xuống được phi trường Tuy hòa cũng thật là vất vả. Đường piste quá ngắn, lổ toàn những vệt sắt nhỏ đã bị cát mấp mnh xâm lấn. Nó xuống không phải bằng chạy dài mà bằng nhảy vọt, như cóc. Nó tung người mà anh lên, dấn mạnh xuống. Anh có cảm giác như nó đang chập choạng nhẩy. Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra. Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó. Nó đậu lại em ả. Cũng thỉnh linh như khi xuống, nó đứng sững!

Cạnh phi trường, những nhà lá nhà tôn xô lấn nhau. Vài chiếc xe ngựa lóc cóc chạy qua. Anh khệ nệ không tài quân trang ra cùng một đoàn lính già. Ông ta cũng về Trung đoàn 47. Việt Cộng bắt ông ta gần cả năm trong một cuộc phục kích gần Di Linh. Ông ta vừa mới được thả ra, hôm hem một cách thảm hại.

Anh và người lính già xin đi nhờ một chiếc xe dodge đến thành phố. Người tài xế hỏi: Chuẩn úy về đâu? Xe đang chạy nhanh, anh phải hét lớn: Trung đoàn 47. Người tài xế cũng hét lớn không kém: để tôi đưa Chuẩn úy tới luôn. Xe qua khỏi con đường lớn ở trung tâm thành phố, rẽ trái rồi ngoặt ngược lên.

Từ xa, Trung đoàn 47 xuất hiện như một vùng sa mạc, lơ thơ một vài cây dương, một ít nhà tôn xơ xác. Có lẽ anh chưa thấy một trung đoàn nào xơ xác hơn. Trung đoàn 2 ở Đồng Hà vậy mà còn khá.

Xe ngừng trước bộ chỉ huy. Nhà ngói, một cái lâu đài nào đó còn sót lại từ thời Pháp thuộc. Có lẽ vậy. Vài chiếc xe leo tèo đậu ở đó. Một số binh sĩ đang nhể nhại khiêng những thùng cây, những bàn ghế... Anh mới biết trung đoàn vừa từ xa dọn lại.

Ông lính già rủ anh đi thăm qua một vài phòng. Phòng nào cũng bừa bãi mà trống trơn. Ngoài rác. Nhiều lắm là một cái bàn cũ vừa được khiêng vào, để ngồn ngàng, xiêu vẹo. Không gặp sĩ quan nào. Anh vòng ra sau.

— A! Hạ sĩ.

Một người nào đó vừa gọi ông lính già đi bên cạnh. Hạ sĩ vừa mới về? Ủ. Ôi chà, vậy mà vạ hạ sĩ chạy lung tung để lo giấy tờ lãnh tiền thôi. Thấy hạ sĩ mất tích lâu quá, tưởng tụi nó thật luôn rồi chứ. Đâu có. Anh thấy vợ tui đâu không? Thì hồi sáng bà mới về lo giấy tờ đó. Đôi mắt của người lính già sáng lạ thường. Vậy hả. Anh biết bà đâu không chỉ giùm tôi chút. Vừa hỏi ông ta, vừa giỡm chun như muốn chạy.

Anh bỏ đi, vòng ra đằng trước, lên lầu còn kịp nghe người kia trả lời: Không biết. Lầu vẫn trống trơn. Ở một hai phòng, binh sĩ đang hí hục kê lại bàn ghế.

Anh quanh xuống, gặp một ông đại úy già đang đi trở lên. Anh chào và nói anh đến để trình diện. Ông ta đứng là trường ban ở đây. Anh trình sự vụ lệnh. Ông ta dẫn anh vào phòng hỏi vài ba điều. Xong bảo nhân viên hồi phiếu lý lịch cho anh, đồng thời ông ta quay điện thoại báo người ở Tiểu đoàn 3 lên nhận anh về.

Hậu cứ Tiểu đoàn 3 về ven một cái nhà tôn rỗ nát, bốn bề vách tre thưa thớt, ba cái bàn long chông. Anh hỏi ngay xem chừng chỉ ngưng lương và lương bổng của anh từ Huế đã gửi vào chưa. Người trung sĩ ngồi đó ngần trả lời: có.

Anh mừng hết lớn, sà lại ngay. Có thiệt, hồ trung sĩ? Thì thiệt. Gợi từ khi trung đoàn còn trên Di Linh lận. Lầu rồi, mà sao chừng này chuẩn úy mới tới? Anh ậm ừ cho xong chuyện. Xong, nhờ trung sĩ lục hồ sơ xem lại cho chắc. Anh như nín thở, hồi hộp theo dõi. Đây rồi. À, tôi lầm. Chuẩn úy chỉ có hồ sơ về đây chứ không có gì khác. Anh nhìn kỹ, đọc từng dòng, từng dòng. Chẳng có dòng nào dính dáng đến lương phạn hết.

Anh đành bám vào hy vọng cuối cùng: mượn tạm một số tiền ở trung đoàn. Anh đem ý đó ra hỏi. Người

trung sĩ nói: được chứ. Chuẩn úy thử lên ban tài ngân coi.

Anh lên ban tài ngân, gặp thiếu úy chỉ huy ở đó, lùn, quăng 40 tuổi. Anh hỏi mượn lương. Ông ta bảo: có giấy đình trả lương không? Không. Vậy không được.

Anh xiu hẳn đi, mồ hôi vã ra như tắm. Ông ta bảo tại sao anh không lãnh lương và lấy phiếu đình trả lương ngay từ Huế. Anh nói anh về Huế đã trên ba tháng, mà lương bằng tại đó làm chưa xong. Ông ta cười khẩy, miệng chim chim như chế nhạo. Anh nhờ ông ta đánh công điện về Huế thúc dục giùm. Ông ta lắc đầu lia. Đâu được. Lấy bằng có nào mà hỏi giùm ông. Dám ông tiêu hết lương rồi nại có cũng có.

Nỗi tức run đầy ngực, mắt kẻ đó, anh muốn vùng bàn tay lên tát thật mạnh. Anh mím môi cố không thốt ra một lời nào. Nếu mở miệng chắc chắn anh văng tục tùm lum.

Rồi thôi, anh về. Cúi đầu đi giữa cái nắng ngút ngàn ở Tuy hòa, anh như bị trời gò người lại, thở không nổi. Hết cả vùng vẫy. Hai trăm bạc làm sao tiêu cả tháng?

TỪ THỀ MỘNG



NGÀY MỚI

ĐẾN

TUY HÒA

Anh đến túi quân trang, lục ổ bánh mì không, mua từ sáng, nhai mà buồn. Mãi tên như có lửa. Vòng năm như đá nóng. Thôi hết cả xoay trở rồi. Heo ỏi heo, heo còn sướng hơn ta!

Anh đặt dờ đi về phía thành phố. Đường ngút ngàn, cả người anh khô teo. Giá vạt anh ra cũng không tìm đâu được một giọt nước. Anh ăn một ly chè đậu đen ở bên lề. Vẫn khát. Cái khát hậm hực như một nỗi uất nghẹn kín bụng.

Đường phố thì dài, không một bóng cây nhỏ. Nắng như nồi lửa lên trời gót chết. Chẳng còn một chút hy vọng nào. Thôi thì buông xuôi, buông xuôi. Hai trăm bạc tiêu vài ngày. Rồi sau? Rồi sau? Ậm thanh nhói lên tận óc. Chẳng có ai quen để xỏ tay ra vay tạm một ít. Anh nhìn anh. Chẳng có một thứ gì để cầm, để bán. Đồng hồ? Không ai cầm đồng hồ ở đây. Không ai cầm một thứ gì khác, ngoài vàng. Anh đã hỏi và đã được trả lời như vậy.

Anh nhìn chiếc nhẫn vàng méo mó trên tay anh, nghĩ đến em mà muốn khóc. Anh đã hứa với em là

anh sẽ mang chiếc nhẫn vàng này cho đến chết. Như một kỷ vật nghìn đời không người quên. Như tình yêu nghìn đời không bao giờ đổi sắc. Nó đó, méo mó, khờ dại, vụn vẹo ồm ngôn tay ấp út của anh. Đơn sơ mà âu yếm biết chừng nào!

Cái méo mó tuyệt đẹp của những ngày những tháng yêu thương ồm ắp. Nó đó, như biển nhớ ngàn ngào. Anh thả chết chó làm sao đem cầm nổi nguồn yêu thương vô cùng đó của anh!

Anh ngồi bật trước ty bưu điện, chờ đánh điện tín về cho em. Chưa đầy 2 giờ. Có nên bảo em gọi tiền cho anh không. Em, tiền đâu? Em hai bàn tay không với con thơ dại ở nhà?

Thật nhục nhã khi nghĩ rằng anh không đủ sức nuôi em và con. Lại còn tiền. Tiền! Những tờ giấy bạc trắng tươi, chó má, vô nghĩa đó! Vay mà cần, mà chết sống vì nó, mà xấu hổ đến đau vì nó!

Còn nếu em không gọi tiền, anh lấy gì sống cho tròn tháng? Hai trăm bạc đâu phải là một số tiền to tát gì. Không người quen. Không bà con, thân thuộc. Mai đi hành quân để rồi nằm gục ra như một con chó đói?

Em ơi, trưa Tuy hòa nóng, cái nóng ngửa ngáy, rồ dại, nhưng đã không nóng bằng anh lúc đó. Cả người anh như khối lửa nung sâu. Gọi tiền? Không gọi tiền? Lạy trời cho anh không đến nỗi điên loạn để còn là chồng em, là cha một đứa con xinh xắn.

Anh ngồi chờ bưu điện mở cửa trong một trạng thái hốt hoảng và thất thần như vậy giữa cái nóng hừng hực của Tuy hòa.

Rồi anh đánh điện tín về em báo gọi tiền cho anh.

Lạy trời, anh đã phải bám vù vào em như bám vù vào nguồn tin yêu rực rỡ nhất của anh.

Chắc ở nhà, khi nhận điện tín, em đã cuống cuống lo cho anh. Dáng điệu hốt hoảng đến đau khổ của em lo chạy đằng này, đằng kia... Thôi càng viết anh càng như không cảm được nước mắt.

Em ơi, anh về trung đoàn mau như chạy. Không hiểu để làm gì. Chỉ biết khi đến tiểu đoàn, cởi quần áo ra nghỉ, anh như ngất đi. Mà anh ngất thực em ả. Ngất đi trong giấc ngủ sau trưa ngày ngất, lúc tỉnh giấc mê. Khi tỉnh hẳn, anh nghe người nhân viên hậu cứ tiểu đoàn đang đọc lại bản công văn gửi về Trung đoàn 3 ở Huế báo gọi tiền và giấy đình trả lương cho anh.

Anh mở mắt, mệt nhọc, chẳng muốn làm gì, nói gì.

Buổi chiều anh xuống phố ăn cơm. Cơm khá rẻ. Anh uống hai ly trà đá lớn. Tuy hòa đã trở lại về đù dằng của một thành phố ven biển khi trời chập choạng tối.

Nhà mới cất, đường rộng. Tuy có dáng dấp của một Nha trang tám năm về trước. Cũng như Phan thiết, Tuy hòa chỉ có một con đường độc nhất dài. Cảnh sát mặc đồ trắng, đứng đầy đường.

Anh đi lấy phây, mắt nhìn chỗ này, đầu óc bay chỗ kia, bỗng nghe roét roét, anh sợ tỉnh nhón nhác nhìn chung quanh mới nhận ra ông cảnh sát đang trợn mắt cố sức thổi to để đuổi anh lên lề đường mà đi.

Trông anh như thằng không vậy mà. Δ

ĐỌC SÁCH «DÒNG SÔNG TRƯỚC MẶT» [1]

NHÀ Thiên Tứ vừa xuất bản một tuyển tập gồm mười truyện ngắn của năm tác giả, cùng thuộc binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, của những người mũ xanh. Tuyển tập mang tên «Dòng Sông Trước Mặt» — tên của một trong hai truyện đặt ở đầu tuyển tập —, mà tác giả là Song Linh vừa mới vĩnh viễn đi vào lòng đất cách đây mấy tháng. Ngoài truyện «Dòng Sông Trước Mặt», Song Linh còn để lại ở tuyển tập này truyện «Vùng đất hồi sinh». Bốn tác giả kia, mỗi tác giả cũng đều có hai truyện in trong tuyển tập, lần lượt: Huỳnh Văn Phú với «Trong cơn mưa chiều» và «Nắng trên cao»; Định Nguyên: «Tình ca» và «Thành phố»; Phạm Văn Bình: «Trên đỉnh xuân buồn» và «Ngụ ngôn»; sau cùng, Trần Ngọc Toàn: «Bức tượng đồng bên xa lộ» và «Vi anh là lính mũ xanh».

Hai truyện đặt ở đầu tuyển tập — hai truyện của nhà văn quá cố Song Linh —, là hiện diện tinh thần của một người chết (được kính trọng) bên cạnh những tác phẩm của bốn người bạn đồng ngũ còn sống, những người có sáng kiến in tuyển tập và góp sức với nhau chăm sóc tuyển tập cho đến lúc nó ra đời, để đánh dấu cuộc họp mặt văn chương giữa Song Linh và họ. Nhưng sự hiện diện tinh thần của Song Linh ở đây chỉ là một sự hiện diện ở một chỗ ngồi danh dự, tách biệt khỏi các bạn, sự hiện diện lạc lõng, bởi hai sáng tác của ông đưa người đọc vào một bầu không khí khác hẳn tám sáng tác của bốn người viết kia. «Dòng sông trước mặt» diễn tả cái tâm sự ứ ứ, cõi lòng u ất, nỗi rạo rực thêm khát vọng tình và niềm nhớ nhung náo nức của một kỷ niệm đã hoàn toàn xa khuất, tất cả đó của một cô gái lỡ làng duyên kiếp, giữa tuổi ba mươi, ngân nga và lo sợ bóng tối tương lai đang ập đến. Dòng sông trước mặt, dòng sông chứng kiến mọi tâm sự đắng cay, chua chát, phiền não, u sầu, nhớ nhung, thêm khát, cũng là dòng sông đã chứng kiến cuộc tình ngắn ngủi của Nhạn — tên người con gái — với một người lính trẻ, ngày xưa. «Và bây giờ nàng sẽ đứng đợi chờ mãi mãi nơi căn nhà bên này sông — Mặc cho tiếng chuông nhà thờ rung chuyển mỗi buổi chiều. Dù cho anh ta đã trở thành phế nhân, què cụt».

Dòng sông trước mặt: dòng sông như một chứng nhân của kỷ niệm và của đợi chờ. Truyện «Vùng đất hồi sinh» của Song Linh mô tả tâm sự ngồn ngộn, rồi rồi, của một thiếu nữ — Thủy — bị bỏ rơi bởi một tên sở Khanh khi hắn biết nàng đã mang thai với hắn. Những xót xa, tủi nhục, những lo sợ và chán chường làm nảy sinh ý tưởng tự vẫn. Nhưng rồi hình ảnh đứa con tương lai bụ bẫm, thơ dại, thoáng hiện trong một giấc mơ đẹp khiến Thủy «chợt khám phá ra một sự phản bước thiêng liêng của tinh mẫu tử» và nàng phấn khởi tiếp tục sống, chịu đựng đau đớn, để đón chờ «những điều lành chuyển chở sức sống nhiệm mầu và nhân đạo». Như vậy, qua hai truyện này, người đọc dễ nhận thấy niềm tin mãnh liệt vào tương lai, sự nhẫn nại qui hóa chất chứa nơi các nhân vật nữ (vốn yếu đuối và đầy đau khổ) của Song Linh. Tác giả bộc lộ một nhân tính đơn hậu, tốt lành, một nỗ lực vượt những trở ngại tâm lý, trong cuộc tranh đấu giữa cá nhân và những áp lực từ bên ngoài đang xô đẩy. Đó cũng là một lời nhắc nhở khiêm nhượng và chân thành của một người đã chết để lại cho chúng ta, qua hai sáng tác đầy những hình ảnh gợi cảm, rậm rạp những hình dung từ sống động và cụ thể, trong một mạch văn mạnh mẽ tuôn chảy ồ ạt, với những xúc động tiếp nối, lần lượt miên man bất tận.

Trong hai truyện của Song Linh không có khi hậu chiến tranh, không có những ám ảnh ray rứt của chết chóc kinh hoàng đang đe dọa. Chiến tranh chỉ là một chân trời xa tắp ở đó có hình ảnh mờ nhạt của người lính trẻ được mong chờ, trong chuyện «Dòng Sông Trước Mặt».

Trái lại, trong tám truyện của bốn tác giả kia, chiến tranh là cái bóng chấp chờn ần ần, không thể nào nhắm mắt quên đi, không thể nào chùi xóa được khỏi tâm trí của các nhân vật — hầu hết đều đóng một vai trò trong cuộc chiến. Những nhân vật Thủy, Đạt, Vinh, Phan, Lành, Tân, Văn Văn, trong các truyện khác nhau, của các tác giả khác nhau, đều là quân nhân — như các tác giả. Họ đều bị cuốn vào trong cuộc chiến bấy giờ. Những nhân vật đó, những quân nhân lao mình vào cuộc chiến tranh này, họ đã lê bước khắp nơi, «thôn làng mạc mạc, khô cằn như Bồng Sơn Quảng Ngãi, tro bụi như Đông Hà Quảng Trị, trù phú như các tỉnh Miền Tây và lầy lội hôi hám như Năm Căn, Cái Nước». Họ đã chiến đấu ở những vùng heo hút nhất, ở những vùng hẻo lánh nhất, ở những chỗ hiểm nghèo nhất, những mật khu, những đầm lầy, những núi cao rừng thâm. Nhưng kết toán những kinh nghiệm chiến trường của họ, người lính chiến ở đây rút được điều gì ở cái chết nhảm chán của người chiến sĩ vô danh trong «Nắng trên Cao», cái chết dễ dàng của Lành trong «Bức tượng đồng trên xa lộ», cái chết thảm thương của Tân trong

biển mất, niềm say mê sẽ tan đi dưới mắt nhìn một mối, còn gì hứa hẹn cho một thân xác đã tẻ như? «Sống mãi nơi này riết rồi thành nhàm chán cùng độ. Cũng vẫn bấy nhiêu, những cơn đường chạy quanh biển sáng chiều buồn ngủ, yếu ớt». Còn gì nữa cho những kẻ đã tiêu hoang ngày tháng nghỉ ngơi trong những cơn vui ồn ào, bốc lửa, chóng tàn? «Đêm của đi điếm, của những bar xanh, bar đỏ. Đêm của cười cợt, rên xiết, chửi tục, của những khốn khổ không vỡ bụng ra được. Một nơi không còn bí mật và hứa hẹn (chắc chắn không còn gì để tìm kiếm và lưu giữ nữa)» (Định Nguyên: Tình Ca). Nỗi chán chường rêu mốc, phiền muộn ứ ứ, khơi dậy nơi tâm hồn khát khao những trở mình xáo trộn. «Có phải đó chính là nỗi chán nản của Đạt. Rõ ràng tuế! Chẳng nhìn những cô con gái nhờn nhờn ngồi cạnh. Rượu, đàn bà, đi yà về chỉ có thể thôi sao? Nghĩ đến những ngày tháng trước mặt mà sợ. Mình sẽ đi tới đâu làm gì? Nghĩ gì?» (Tình Ca). Cuộc sống đã thừa phứa những cái nhàm nhĩ, đã chất đầy những cơn xô động nhốn nháo, đã đủ những lần phóng mình theo những cơn vui miệt mài buổi thả. Những thỏa hiệp toàn vẹn nhất với thực tế thường nhật đã bảo hòa kinh nghiệm. Chỉ còn «những cánh bèo dập dềnh trên mặt hồ đời sống» (Phạm Văn Bình: Trên Đỉnh Xuân Buồn). Các nhân vật của 4 tác giả trong tuyển tập đã tận hưởng mọi mùi vị của kinh nghiệm chiến tranh và thành phố, đến nỗi sau cùng chỉ còn lại với họ một thứ gì của thực tại không khác một «tách trà đã nguội từ lâu trở nên đắng ngắt» (Trên Đỉnh Xuân Buồn). Vì họ chỉ tìm trong thực tại những chất liệu chống phôi pha tàn tạ, những hương vị chống lạt lẽo, bằng những đòi hỏi và thỏa mãn tâm thường. Đó là cái tâm thường còn lại cho những tâm hồn đã bị hút hết mạch sống căng phồng, sức sống dồi dào, trên bãi chiến trường hay trong những xô đẩy dữ dội (thành phố). Bởi thế, người ta không lạ gì khi thấy hầu hết các truyện của bốn tác giả chỉ dựng được những nhân vật tương tự như nhau: cũng những nét phong sương, cũng đáng mệt mỏi, cũng về chán chường, cũng những buổi thả dẽ dãi... Có lẽ chỉ trừ vài nhân vật, trong hai truyện của Định Nguyên, còn có ưu tư dằn vặt, còn có tinh thần thao thức, đa số những nhân vật khác của những tác giả đều bị ru ngủ (hay tự ru ngủ) trong những ước vọng rất «đại chúng», trong những đam mê rất «vừa tầm tay» đối với đám đông, như mọi người, nghĩa là không cống hiến được những khuôn mặt mới mẻ, những cá tính độc đáo. Sự chọn lựa nhân vật và đề tài một cách dễ dãi, quen thuộc đi đôi với lối diễn tả thiếu chăm sóc, thiếu những tìm tòi công phu, vắng mặt những khám phá trong sự phô bày ý tưởng. Hầu như các tác giả chỉ muốn trình bày thực tại y như nó vẫn xảy ra trước cảm quan của mọi người, với cái «thực» sơ khai, chưa được chuyển hóa bằng ngôn ngữ văn chương. Các tác giả có lẽ chỉ nhắm mục đích ghi nhận sự kiện và thu thập kinh nghiệm sống, theo lối «thấy sao chép vậy, nghĩ sao viết vậy», nên ngôn ngữ sử dụng còn sơ lậu, bố cục lại thường lỏng lẻo. Hạn văn chương, như vẫn được hiểu theo nghĩa chặt chẽ của nó là một công trình kiến trúc ngôn ngữ phối hợp phức tạp khởi từ những mảnh vụn của thực tại phân tán, đòi hỏi những chuẩn bị chu đáo hơn, những chọn lựa khó khăn hơn. Δ

NGUYỄN NHẬT DUẬT



«Vi anh lính áo rằn», cái chết tan tà: h thân thể của chàng phi công trong truyện «Trong cơn mưa chiều»... Nỗi cay đắng ở đó... Nhưng thực ra cái cay đắng là dư vị mà những kẻ sống sót phải cảm thấy nhiều hơn hết. Những kẻ trong cuộc và đã phải ghi nhận quá nhiều để rồi sau cùng chẳng còn tha thiết với hình ảnh nào họ từng bắt gặp, với cảnh trạng nào họ từng trải qua. Chỉ còn lại cho những người lính chiến sống sót một nỗi buồn chán mênh mang choáng ngợp. «Ngày tháng đã mài mòn vết kỷ ức của chúng ta đến không còn gì, lảng bồng, tròn nhẵn như một viên bi lăn lóc đến tất cả những chỗ nào đó, những hốc hém tâm tối, những vực thăm nghĩ ngò», như một nhân vật của Định Nguyên đã nhận xét. Nỗi chán chường của những tâm hồn đã thừa phứa những kinh nghiệm đau đớn, đến độ tẻ nhạt, đó là khởi điểm của cơn độc đầy họ xuống với những thú vui dễ dãi, những tìm tòi lười biếng. Người lính chiến đã rời một môi trường về thành phố; «tôi đang có đây, một đêm thăm thẳm, một cô gái» (Tình Ca). Và những ước muốn sôi sục: «Thoảng son bóng loáng trên đôi môi ướt làm hắn muốn nhai ngấu nghiến, nuốt tất cả những thồn thức bất mầu». Những cơn say chất ngất (Tình Ca); những cuộc rong chơi vô định (Thành Phố), những đêm hoan lạc dưới ánh đèn màu (Ngụ Ngôn)... Thành phố, rồi nó sẽ chẳng còn gì lạ lùng bí mật nữa, về quyền rũ sẽ

(*) «Dòng Sông Trước Mặt», tuyển tập của những người lính mũ xanh: Song Linh, Huỳnh Văn Phú, Định Nguyên, Phạm Văn Bình và Trần Ngọc Toàn; Thiên Tứ xuất bản, 1970, 120 trang, giá 120 đồng.

huy cận...

tiếp theo trang 11

của Xuân Diệu ở miền Bắc cũng đã được Huy Cận giúp đỡ, che chở cho rất nhiều. Nếu không có bàn tay của Huy Cận nhúng vào thì cái tội cải lương, chống đối cán bộ Đảng, nhất là bài thơ «CÁI BỤNG» của Xuân Diệu chửi xỏ Trường Chinh, Võ nguyên Giáp, đâu phải chỉ bị kiểm thảo, phê bình, cảnh cáo rồi thôi, mà còn phải đi tù là cái chắc vào hồi 1958.

Ngày năm 1956, theo lệnh Đảng, Bộ Văn Hóa xúc tiến tổ chức một cuộc chấm «giải thưởng Văn học toàn quốc» cho tác phẩm xuất bản trong hai năm 1954 — 1955, đáng lẽ với tư cách thứ trưởng Văn Hóa đặc trách Văn học, Nghệ thuật, Huy Cận đương nhiên giữ chức chủ tịch Hội đồng Giám khảo. Nhưng để nâng cao uy tín cho Xuân Diệu, giúp đỡ Xuân Diệu có cơ hội chương mặt với... thiên hạ, Huy Cận với tư cách nhà nước cử ngay Xuân Diệu làm chủ tịch. Trong Hội đồng này gồm rất nhiều văn nghệ sĩ tiền chiến như Nguyễn công Hoan, Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Tô Hoài, Nguyễn đình Thi v.v.. có cả Huy Cận. Huy Cận

chỉ khiêm nhượng giữ chân giám khảo ủy viên.

Ta hãy nghe cụ Phan Khôi viết trong bài «PHE BÌNH LÃNH ĐẠO VĂN NGHỆ» đăng trên NHÂN VĂN GIAI PHẨM MÙA THU tập I (1956) trích môt Huy Cận đã bình vực tác phẩm «NGÔI SAO» của Xuân Diệu đúng giải nhì, như sau :

«... Hôm bình định về thơ, tôi phân đôi tập NGÔI SAO đúng giải nhì, tôi nói : «Cổ vớt vát lắm thì cũng chỉ nên để nó đứng giải ba». Tôi cử ra những câu bị hiểm không thể hiểu nghĩa được, thì ông Huy Cận (một trong ban chung khảo) bảo rằng tại tôi không muốn hiểu thì không hiểu.

Quái, tôi «muốn» làm sao được ? Theo lẽ ông Huy Cận, nếu bình vực cho NGÔI SAO thì phải cắt nghĩa rạch ròi những câu ấy ra, chứ sao lại bảo rằng tôi «muốn» không hiểu ? Nhưng cả ban làm thẩm, tự hồ ai cũng hiểu những câu ấy, không ai tỏ đồng ý với sự chỉ trích của tôi. Tôi còn cử ra những câu tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay kém thơ Xuân Diệu ngày trước...»

Kết quả là tập thơ «NGÔI SAO» của Xuân Diệu vẫn chiếm được giải nhì. Nhờ ai, nếu không phải nhờ Huy Cận ?

còn tiếp

HOÀNG ĐẠO,

tiếp theo trang 9

ngừng thối mả do hỏi đau đớn về đời sống chung quanh, về cách sống, về những người đang sống hay về bản thân mình phải sống như thế nào, nói rõ hơn nhân vật đi tìm một cách quên sống : «Tuy ngày sắp đến chàng biết chỉ đem lại cho chàng toàn những thú vui cả mà lúc nào chàng cũng nơm nớp sợ những ngày sắp đến. Chàng mang máng không muốn sống như thế này nữa nhưng chàng không biết sống khác để làm gì (tr. 28). Hay như nói 1 truyện ngắn khác : «Buồn bã chàng trông những người qua đường đông đúc chen nhau đi, ngắm nghĩ : — Họ đi đâu ? Chắc họ đi cho có chuyện như mình, và đời họ chắc cũng như đời mình, nhạt nhẽo, phẳng lì, buồn tẻ» (TD : Chấn nân, tr. 51). Từ một cái nhìn độc đáo này, HD đã biến thành một nhà văn, một nhà văn bất ngờ : «Đời chàng cũng vậy. Cũng đứng im, không đi, không động. Cuộc đời của vật vô tri giác. Sống cũng như chết vì ngày mai sẽ chỉ đem tới những cảm giác của ngày hôm nay, của ngày hôm qua. Chàng nhắm mắt lại, không muốn trông thấy vết đường đời của chàng chạy quanh như ngoài bãi vẹt chân ngựa tập chạy vòng quanh» (TD : Phiêu lưu, tr. 25). Trên tác phẩm Hoàng Đạo mỗi nhân vật như vậy đều tự nhiên mang lấy hai hình ảnh, một hình ảnh làm cảm động người đọc và một hình ảnh nhằm vận động người đọc và cũng giữa hai hình ảnh đó tác giả đã chọn lấy một và tác phẩm chọn một.

Văn chương HD quá gần gũi đã không cho phép người ta có quyền dò hỏi nhiều hơn nữa về khả năng của tác giả và khả năng của tác phẩm nhưng nếu HD vẫn cốt ý biến lý thuyết của ông thành tiểu thuyết hay mang chủ trương cái cách xã hội văn chương, biến những thiên khảo luận thành nghệ thuật thì chắc chắn ông sẽ thất bại. Nhưng ngược lại nếu quả thực HD đã muốn làm một nhà văn chịu để cho tác phẩm mình được quyền tự do có tiếng nói riêng của nó thì hình như tác phẩm HD đã bắt

đầu có một tiếng nói riêng khác hẳn truyền thống : «Đột nhiên tôi thấy những nét trắng của mây bông huệ rung trong bóng tối, như sự xao động cuối cùng của một linh hồn sắp bị tiêu diệt. Người tôi lúc đó dễ xúc cảm như một cốc pha lê mong manh, sẽ động là có tiếng vang. In sâu vào trí nhớ những chấm đỏ thắm của hương, một thơm mát trong gió» (TD : Một gia đình, trang 41).

Hoàng Đạo đã luôn luôn đề cao cái bề mặt sáng của tác phẩm mình trong khi chính cái bề mặt tối của tác phẩm mới là giá trị còn lại của văn chương ông. HD lý thuyết gia vẫn là một giá trị lớn về nhiều phương diện khác nhưng nếu muốn gọi HD là nhà văn thì người ta bắt buộc phải nói đến những gì thực sự văn chương của ông (2 tập truyện) và ngay trong những tác phẩm này phần văn chương hoang đường, lệch lạc, bình luận, đi sai lệch trường hướng thượng ngoài ý muốn của tác giả mới là phần văn chương khá đi còn có thể đem HD đến gần với người đọc qua thời gian. Hoàng Đạo, nhà văn và lý thuyết gia ; HD, nhà văn hay lý thuyết gia : vấn đề chính danh HD đến nay vẫn còn là một vấn đề mù mờ (và trong học đường nó biến thành một thói quen luẩn quẩn biếng nhai). Chỉ có thể xem HD như là một nhà văn là một HD của phần văn chương không luận đề nhất — ngay cả trong những tác phẩm tự mệnh danh là tác phẩm văn chương luận đề.

Có một vài tài liệu cho biết rằng không phải HD chỉ làm nhà văn một cách tình cờ, thực sự ông đã có nhiều chuẩn bị để thực sự quay hẳn sang viết tiểu thuyết, ông đã có nhiều dịp nghiên cứu về kỹ thuật viết truyện và hình như đã bỏ công xây dựng một số tác phẩm lớn dự định sẽ viết. (2). Nhưng tiếc rằng cũng như trường hợp Triều Sơn, sự nghiệp đó đã không thành trong cái tuổi 42. Cái chết đột ngột bi thảm đó trên chuyến tàu lửa định mệnh đã ngăn cản Hoàng Đạo nhà văn lại, người ta không còn thể nói gì hơn về văn chương Hoàng Đạo vì trước và sau một thời

gian ngắn mấy năm làm nhà văn cuối cùng trong đời mình với chỉ vốn vẹn hai tác phẩm ngắn ngủi, văn chương HD mãi mãi còn đó như một thử thách đầu tiên và cuối cùng của một nhà văn, một thí nghiệm liều lĩnh bắt đầu trên những chữ nghĩa và trang sách. Tác phẩm của HD nhà văn đã đột ngột kết thúc giữa khi có lẽ chính tác giả vẫn còn tưởng rằng giữa trang giấy trắng kia vẫn còn hứa hẹn biết bao niềm hy vọng. Hơn ai hết có lẽ chính HD là người đầu tiên đã phải ngạc nhiên thấy rằng cánh cửa mở vào văn chương của mình phải một sớm một chiều ngậm như thế. Dù sao, hồ sơ HD cũng đã khép kín, nhà văn HD đã chấm dứt định mệnh, trường hợp HD đã vĩnh viễn thành một «mềm bi ỉn» bởi vì ông là một nhà văn quá muộn màng, bởi vì con người tâm huyết mang tên Nguyễn Tường Long đã quá bận bịu với một tâm lòng non sông và cũng bởi vì chuyến tàu lửa định mệnh đó đã khởi hành vào một ngày mùa đông nơi xứ lạ.

Trong toàn sự nghiệp HD thì hai tác phẩm cuối cùng của ông là 2 tác phẩm thuần túy văn chương mang ý nghĩa những thí nghiệm táo bạo đầu tiên và cuối cùng của ông trên bước đường thực sự dấn thân vào văn chương. Trên một khía cạnh nào đó, đây đồng thời cũng là những tác phẩm mang một ý nghĩa chung cuộc đầy tính chất nan giải, ý nghĩa văn chương đã là một kết thúc ngay từ khởi đầu. Những thí nghiệm HD đó đã hoàn tất, đã tự knockout cho nó riêng một định mệnh khó hiểu và có lẽ nghìn đời vẫn mãi mãi giấu riêng cho nó một âm vọng sau cùng. Nhưng có phải dự định văn chương của HD chỉ có thế mà thôi ? Có hay không có một giấc mơ văn chương của HD ? Vì sao ông lại muốn viết văn, bên cạnh những người viết văn khác ? HD quả thực muốn làm gì với những tác phẩm đó ? Có phải để có cơ hội định văn tác thì viết ngay được hay không ? Những kinh nghiệm nào HD đã có trước khi thực sự cầm bút viết tiểu thuyết ? Trong 1 ước mơ nào đó, HD sẽ làm được gì cho văn chương khởi từ sau những thử thách, dọ dẫm, thí nghiệm ban đầu đó ? Tác phẩm lớn của HD bây giờ ở đâu ? Có phải văn chương mãi mãi vẫn là những thí nghiệm lâu dài và liên tục ? Và có phải những thí nghiệm một nhà văn khởi đầu đó của HD vẫn luôn luôn là một niềm hy vọng lớn cho văn chương ? ... Và câu hỏi cuối cùng mang ít nhiều vẻ thảm hại buồn rầu : viết văn có phải là một việc dễ làm được hay không ? Nếu giả thử cũng trong những câu hỏi đó người ta đi, xem danh từ riêng Hoàng Đạo như một danh từ chung cho nhiều người, trung tính, của nhà văn, thi...

Dù sao đi nữa thì chuyến tàu lửa tốc hành chạy xuyên qua trần Thạch Long cũng đã khởi hành. Và nói như Thạch Lam thì mãi mãi «các nhà văn biết rằng họ phải tìm kiếm một cái gì khác hơn».

(1) Văn Hoàng Đạo : Con đường sống, Khai tri, 1964 (CDS)

Tiểu luận, Khai Tri 1964. (TD)

(2) Xem Đoàn Quốc Sĩ : Tư Lực văn đoàn, II (TĐ) số, 1960, tr. 126, 127)

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI TRÊN TOÀN QUỐC

CUỐN SÁCH CỦA CÁC BẠN HẸM MỘ VÕ THUẬT

THẬP BÁT LIÊN CHÂU QUYỀN PHÁP

Δ Một biên soạn thật công phu của VÕ SƯ LÊ VĂN KIẾN, Hội Trưởng Tổng Hội Võ Học Việt Nam — Hội Trưởng Tổng Hội Võ Sư Nghiên Cứu và phổ biến Võ thuật Việt Nam.

Δ Lần đầu tiên một cuốn sách Võ Thuật hoàn toàn được in bằng máy offset thật tốn kém với hơn 200 hình ảnh rõ ràng và linh động.



• TỬ SÁCH VÕ HỌC CỔ TRUYỀN

• TỬ SÁCH VÕ HỌC CỔ TRUYỀN

NGƯỜI CHƯNG MỆT MỎI

TIẾP THEO TRANG 5

để lại cho em giọt máu dân lành
để lại cho em từng năm mờ xanh
chập chờn bay trong bụi trắng
ngọn cỏ khảm sô màu trắng
để lại cho em một bãi sa trường

Để lại cho em thành phố lên đèn
bọn người tranh nhau một đám bụi đèn
lệ buồn rơi trong từ điển
gợi người gian nan trên tuyến
để lại cho em già đối đề hèn

Tôi quen biết rất nhiều người tranh đấu của thế hệ trước, từ địa hạt chính trị, cách mạng sang tới văn hóa, nhưng tôi chưa hề thấy ai dám nhìn nhận thực trạng như Phạm Duy. Lớn lên từ chúng tôi lớn lên để lãnh đủ cả một cuộc chiến tranh thâm khốc. Chúng tôi không hề dính dáng gì đến việc phát động ra cuộc chiến, chúng tôi không hề được hưởng lợi lộc gì trong cuộc đấu tư chiến tranh, thế mà chính chúng tôi lại lãnh đủ: từ hơi cay, dùi cui trong thành phố đến chuông cạp ngoài hải đảo. Và chính chúng tôi cầm súng chiến đấu và chết: thế hệ đàn anh đã thu xếp cho mình « ngoài tuổi quân dịch » từ lâu... Thế mà không một người nào trong thế hệ đàn anh — ngoại trừ một vài người hiếm hoi như Nhất Linh và Phạm Duy chẳng hạn — dám công khai nhìn nhận là mình đã lầm lẫn, đã để lại cho thế hệ sau, đã « ĐỂ LẠI CHO EM » cả một gia sản thế thâm như thế. Làm sao mà thế hệ trẻ lại không mất niềm tin ở các tiền bối khi thế hệ trước cứ khăng khăng ca tụng « sáng dội miền nam » hoài, làm sao mà trẻ già còn có thể bắt được câu thông cảm qua hai thế hệ... Phải đợi cho tới khi Phạm Duy cất tiếng, chúng ta mới thấy mập mờ mông manh xuất hiện sự thông cảm tôi cần thiết:

Nhưng em thương anh thương anh
cho tôi hờn đi xuống
nhưng em thương anh thương anh
cho niềm kiêu hãnh vụn lên
Nhưng em thương anh thương anh
cho súng phải thờ dài
cho lựu đạn im tiếng
cho đường vũ khí qua tim
Nhưng em thương anh thương anh
em đón nhận gia tài
ta cùng gom sức mới

xin nhận lời tranh đấu
Nhưng em thương anh thương anh
xin nhận lời tranh đấu
đi tìm lối thoát cho nhau

(ĐỂ LẠI CHO EM, làm với Ng. đặc Xuân)

Với những lời thống thiết và chí tình như thế của một « đàn anh », làm sao mà thế hệ sau lại không « đón nhận gia tài » một cách thông cảm, mặc dù có Trời Phật chứng giám cho tại sao chúng tôi phải lãnh cả một « gia tài » khốn khổ đến như vậy!

Trong thời gian về sau, Phạm Duy ôm đàn làm người du ca đi khắp nước mà hát. Trong niềm hy vọng sẽ làm thức tỉnh được tình người, tình Việt nam, anh còn đi tới mức mặc áo bà ba đen đứng trước màn nhung của một nơi sang cả quyền quý mà cất tiếng nữa. Nhưng như thế chưa đủ, vì muốn:

...hát to hơn tiếng nhạc mơ hồ phòng trà
nâng danh ca vo khúc tình ca
thành vui điên hay khóc than vờ
...lời tôi vang như tiếng chuông chiều
lời tôi cao như tiếng ngọn đồi
lời tôi sâu như tiếng tình yêu...

(TIẾNG HÁT TO)

anh cần phải xuất ngoại, cần phải sang tận quê hương « nước bạn đồng minh vĩ đại » mà cất tiếng nữa. Và muốn thế, anh cần phải làm một đường compromise tối thiểu với chính quyền đương thời cùng tòa đại sứ liên hệ — nếu không ai cho xuất ngoại và ai chịu cho anh nhập nội.

Thời gian càng qua, giao tình giữa anh và tôi mỗi ngày một mật thiết hơn. Do đó tôi khám phá ra ở anh một Phạm Duy mà ít người biết tới: đó là con người từng trải về chính trị — dù chẳng tham dự bằng cái gì khác hơn là âm thanh cung điệu của mình. Anh đã từng sống với hết nhiệt thành của tuổi trẻ trong cách mạng mùa thu 45, anh đã tham gia kháng chiến và ở miền Nam, anh ra vào thông thả thơ thới hân hoan biết bao nhiêu biến cố lớn nhỏ... Kinh nghiệm phong phú của một đời người trải dài qua mấy giai đoạn lớn của lịch sử. Bởi thế, tôi thường hay lắng nghe anh phê phán về biến chuyển chính trị của đất nước và đời khi, hỏi ý kiến anh về vài cách tiến thoái trong khi tranh đấu riêng. Về điểm này, anh thường chê tôi là cực đoan quá, lý tưởng quá, « hồng việc và võ mạt là cái chắc ». Nên mềm mỏng, công việc sẽ hiệu năng hơn. Tôi đồng ý, nhưng chưa làm sao theo nổi trên thực tế — tôi còn quá trẻ và đại dốt.

Anh thực tế hơn tôi nhiều, anh hiểu làm người Việt-nam mà yêu nước Việt người Việt là điều rất khó. Anh hiểu sở trường của anh là âm thanh cung điệu, vậy vấn đề là làm sao duy trì được tiếng nhạc tiếng hát của mình. Mọi sự khác là thứ yếu. Anh

[Luyện tôi nên có quan niệm như vậy trong bộ môn văn. Tôi lại đồng ý với anh nữa, nhưng một lần nữa tôi lại không sao theo được, ít nhất ở vào tuổi hiện tại, dù trên thực tế, tôi đã « hồng việc » và « võ mạt » — tôi còn non kém và đại dốt lắm.

Những năm gần đây, anh ít còn giữ phong cách thời tâm ca: anh làm tình ca nhiều hơn cũng nhiều loại nhạc khác nữa như « Sức mảy mà buồn ». Mỗi ngày hầu như anh cùng nhạc của anh có vẻ như quốc tế hóa hơn, xa dần « thân phận V.N ». Dĩ nhiên là nhiều người trẻ trách cứ anh, luyện tiếc Phạm Duy xưa « của họ ». Còn tôi, tôi vẫn thích hình ảnh một Phạm Duy mặc bà ba đen đứng trên cát trên sỏi đá hát cho linh và người trẻ nghe hơn là một Phạm Duy mặc montagut trong ánh đèn màu made in USA. Nhưng tôi hiểu anh. Một người sáng tác trong bất cứ bộ môn nghệ thuật nào, nếu không muốn sự nghiệp dừng lại, cần phải dành lại tự do của mình từ nơi những độc giả thường ngoan. Viết một loại truyện, làm một loại nhạc, được hoan nghênh và có danh tiếng, người sáng tác rất dễ bị « phỏng hoá », nghĩa là dễ vì muốn bảo vệ cái danh vọng đã có, cứ viết kiểu cũ giữ cung điệu cũ hoài — dù rằng mình đã biến đổi và mồn diễn tả khác đi. Chính sự « phỏng hoá » này đã là nguyên nhân của sự « chết non » của rất nhiều nhà văn Việt nam: họ nổi tiếng trong một thời nào đó nhất định rồi sau chỉ còn là những nhắc lại nhàm chán. Muốn chống lại « phỏng hoá », chỉ có một cách duy nhất: thay đổi lối sống của mình đến tận căn bản (hay dám sống thực con người mới cuộc đời mới của mình) và nhất là chống lại chính độc giả ngưỡng mộ mình. Phải hủy diệt để có thể tái sinh...

Nhiều khi tôi thấy có những người trẻ quá bất công với anh. Đòi hỏi thế này thế kia. Tôi thường không đồng ý với một thái độ như vậy. Nhạc Phạm Duy đã cất lên hơn hai mươi năm nay rồi, đã đóng góp vào các công trình lớn của dân tộc và hiện diện trong các khổ đau của Việt nam với tư cách người chứng trong cuộc, người chứng tham dự. Anh phải mệt mỏi và có quyền mệt mỏi. Không ai có thể làm anh hùng cả đời được, anh hùng cái thế chọc trời khuấy nước rồi cũng có lúc muốn phong kiếm quy ẩn mà về. Mà anh về đâu? Anh trở về với tình ca hiểu theo nghĩa thật rộng: tình của hai người nam nữ với nhau, tình của con người với con người. Và nhạc của anh vẫn hay, chúng ta còn đòi hỏi gì hơn. Đòi hỏi hơn nữa, là bắt tổng đối với Phạm Duy của chúng ta.

Có thể có nhiều người trẻ không đồng ý với tôi về quan điểm trên. Cái đó không sao. Thời gian sẽ qua, các thử thách và nhiều « mùa thu chết » sẽ tới với họ, và tới khi ấy, rất có thể họ sẽ như tôi bây giờ, tôn trọng sự mệt mỏi chính đáng của Phạm Duy, và những người như Phạm Duy trong các ngành sinh hoạt khác, rút về những di vắng có các con đường mòn trên núi rừng Việt Bắc, những chiều mưa lạnh trên vỉa hè Hà nội có tà áo dài len của một người thiếu nữ đập nhẹ trong gió như cánh của một loài bướm đang yếu (KỶ TỐI: TRỊNH CÔNG SƠN)

— BẠN ĐIỀU HẬU HAY BỎ CẦU ?

— BẠN MUỐN ĐÁNH GIÁC HAY MUỐN HÒA BÌNH ?

— BẠN CÓ MUỐN TRUNG LẬP KHÔNG ?

HÃY TÌM ĐỌC :

LỊCH SỬ CHIẾN TRANH LẠNH

của ANDRÉ FONTAINE

Bản dịch LÊ THANH HOÀNG DÂN



NƠI PHÁT HÀNH :

45, NGUYỄN THÔNG
SAIGON

THIÊN-LONG Công ty SARL

121A AN BÌNH — CHOLON — Đ.T. : 52.250

SẢN XUẤT BỘT GIẶT HÒA HỢP « T I C O »

NHÂN HIỆU « CON RỒNG »

NHÂN HIỆU « CON CỌP »

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hãng Thiên-Long

Số 6, Lê quang Liêm — CHOLON

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hãng Thoại-Quang

Số 661, Nguyễn Trãi — CHOLON

THƠM,

NHIỀU BỘT,

TẮY TRẮNG



CA HÁT (ĐN).— Trong số những người ít may mắn, anh còn may mắn lắm. Chúc anh chóng bình phục, 'chống nạng cây bừa' được như nhạc Phạm Duy.

TRẦN HƯNGHIỂM (Huế).— Khi nào có báo gửi, kèm cái quảng cáo, sẵn sàng đăng. Đã đọc lại bài 'Nỗi Tủi Cực', không có gì mới.

NGUYỄN VŨ PHÚC (Kompong Cham).— Mấy bài thơ của ông khỏe lắm. Cảm ơn những lời trong thư.

GIA DU.— Như anh thấy, bài thơ anh gửi từ tháng 10-69, số vừa qua mới đăng được. Kể thì quá chậm. Chậm nhất, nhưng thiểu thiểu có trường hợp như vậy. Đã chuyển lời anh tới các anh Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện.

NG CUNG ĐIỀN.— Làm mới những thứ quanh mình tốt chứ?

NHUỘC THU (PT).— Bài vô nhiều nên cần đọc kỹ. Cứ tiếp tục cho đến khi thành công.

LÊ THỊ TƯ.— Chỉ còn giữ lại bài 'Buổi đưa người' thôi.

HOÀNG V CHUNC (Đà Lạt).— Anh có thể gửi thơ. Sinh hoạt đã chuyển cho anh Dương Trữ La. Cầu cuối cùng trọng thư, cảm ơn lắm.

PHAN HUY TƯỜNG KBC 6703.— Báo cũ còn một ít. Ông gửi cho bằng tem, cước phí liệu chừng vài chục đồng. Đã gửi tới ông số báo ông muốn mua.

NGUYỄN KHÊ (QNH).— Ông gọi chúng tôi là tiền sinh, mới ngoài

ba mươi vài năm, e còn thọ quá. Trong số những bài thơ của Tiền sinh, mấy bài ngắn lại được hơn cả. Chúc tiền sinh chóng bình phục.

NGÔ VĂN NON (KBC 4085).— Cảm ơn những hình vẽ của anh. Có làm bản kèm mấy cái, riêng về thơ, anh phải cho những bài khác.

NG. LÂM ANH.— Cảm ơn bạn đã gửi cho mấy bài đi cáo của Võ thành Văn.

LÊ NGÃ LÊ (Huế).— Anh nhớ đừng gửi một bài 2 lần, trừ khi không thấy từ lời gì hết — coi như đã thất lạc —. Chẳng nên vội. Theo chúng tôi biết, các nhà văn nhà thơ cộng tác với KH thường cũng sửa chữa bài vô nhiều lần trước khi quyết định cho đăng. Chúc anh vui vẻ.

ĐỖ PHAN XUÂN.— Đã nhận được cái đoàn văn của anh. Mấy bài thơ đang đọc. Loạt bài Thành Phố Bảy Giờ kết thúc vào số tới.

ĐA HUYỀN (VT).— Đã chuyển lời hỏi thăm của anh tới anh Phạm công Thiện. Anh Thiện vẫn có liên lạc với tòa soạn, sẵn sàng chuyển thư trong trường hợp anh gửi. Cảm ơn lá thư của anh. Chỉnh lịch 7 đ.

TỔNG CHÁU AN (Huế).— Rất tiếc là cái bài tường thuật của anh về hơi chậm. Và lại, anh Dương Nghiễm Mậu đã viết rồi. Tuy nhiên vẫn có thể đăng được trong trường hợp cần đăng. Đã nhận được bài vô ở lá thư sau.

NGUYỄN CÔNG HỒE (Châu Đốc).— Đã chuyển thư cho họa sĩ Nguyễn Hải Chí.

NHÂN TIN

HÀ NGUYỄN THẠCH (ĐN).— Đã chuyển thiệp báo tin của anh tới các anh Mai Thảo, Nguyễn Nhật Duật, Hồ Thành Đức, Du Tử Lê. Vui vẻ nhé.

NGUYỄN KIM PHƯƠNG (Qui Nhơn).— Như thế là huê. Viết đều đi. Lâu lâu mới đi mà thôi.

LÊ VĂN TRUNG (ĐN).— Lâu quá mới lại có thư đây. Bài vô anh em gửi — cũng như bài anh — dù cách đây nửa năm, vẫn còn ở tòa soạn, nên vừa rồi mới có dịp đăng. Anh DNM đi chứ tôi không được mời.

CAO THOẠI CHÂU (Kon-tum).— Lâu rồi không thấy thi sĩ làm thơ.

NGUYỄN ĐỨC SƠN (Bla).— Chuyển này lỡ rồi. Để hai tháng nữa sẽ gặp ở trên đó.

PHƯỚC MINH THÁI.— Thu Quê đang có mặt ở Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết. Cần nói chuyện về văn nghệ để làm vui. Sẽ in cái tập truyện ấy. (Th Q nhờ đăng)

— Trần Quân Vương, Hoàng Thụy Kha, Phạm Đức Thịnh, Trương Từ Trung, Lâu rồi bận đi công tác thư từ về mình, địa chỉ cũ!

Trương Văn Dũng. 9/55a.
Lê Lợi, Gia Định.

ĐANG ĐỌC

Bài đức Chính — Trần thái Hòa — Đỗ Phú Sa (sau hàng kèm gai) Cung Đình (Văn) Ng v. Viên — Hoàng đức Hòa — Trần tường Trinh — Thương Thuật — Hoàng Trần — Vương Doãn Chi — Đồng Thụy — Diệp thành Liêm — Di Nhân — Đa diên Du — Phạm quang Sơn — Hằng Hà — Đồng xuân Linh — Hoàng xuân Sơn — Trương v. Dũng — Ng Uyên Châu — Đỗ Dã Trạng

KHÔNG ĐĂNG

Tông Kh — Phan v. Hai — Trần Niêm T — Cung Đ (thơ) Thiên V — Trường Dạ L — Phạm V H (tranh vẽ và thơ) Ng Ngọc Ch — Lê T — Sỹ Ng — Quỳnh M — Ngô Tuấn

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHE THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581TTBC NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút

ANH VIỆT

TRẦN VĂN TRỌNG

Phụ Tá Chủ Nhiệm

HY VĂN

Thư ký Tòa soạn

VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN • ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN H. THÔNG • DƯƠNG TRỮ LA

Và
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột

VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên Chủ Nhiệm • Bài vô đề tên Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ. mỗi số • Công số giá gấp đôi.

Bài vô gửi cho Khởi Hành xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo đã có lời yêu cầu.

A — Đồng Hg — Ngô thị Cát Nh — Lê v T — Nguyễn N — Trần hoài M — Phú sa L — Ng Hồng D — Ng đức Nh — Lê từ N — Đa diên Đ (thơ) — Lê trí D — Nghê Việt L — Lê hoài Th — Tường Dạ L — Ng Uyên U — Trường B — Vũ thi Lăng T — La Hồng Th — Ông Kh — Ng Bích B — Hoài A —

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cam đàn bà

NGƯỜI ĐỘI MŨ

Chàng họ rất say mê cá ngựa, một hôm dắt vợ lên trường đua. Đây là lần đầu tiên chàng cho vợ đi cùng. Chàng bảo vợ:

— Đây một ngàn đồng. Em xuống ghi xê lấy vé đánh con ngựa Công Chúa. Người vợ nghe lời chồng xuống ghi xê đưa tiền nói:

— Cho tôi đánh con Công Chúa. Vừa lúc đó có một người đàn ông đội mũ nam lấy cánh tay bả và nói: — Bà điên rồi sao mà đi đánh con Công Chúa. Đó là con ngựa chưa bao giờ về nhất cả. Bà phải đánh con Hồng Linh, bà cứ nghe tôi đi. Tôi rành mấy con ngựa này lắm mà.

Người đàn bà hỏi lại:

— Ông chắc chắn như vậy.

Và vốn là một người đàn bà cá nghe, bà mua 1000 đồng đánh con Hồng Linh. Cuộc đua khởi diễn. Và con Công Chúa về nhất. Người chồng sung sướng bảo vợ:

— Chúng mình trúng rồi. Em xuống lãnh tiền đi.

Người vợ bẽn lèn, ấp úng nói:

— Anh ơi em không đánh con đó.

Lúc em xuống mua giấy gặp một người đội mũ hân khuyến em đánh con khác.

— Sao? Một thắng đội mũ! Mà nó bảo gì em cũng nghe nó hả. Em có biết là mình đã thua tất cả 6.000 đồng rồi không. Đây một ngàn nữa. Em xuống đánh con Thanh Uy cho anh.

Nhớ con Thanh Uy nghe không.

Người đàn bà xuống tới ghi xê thì người đàn ông đội mũ lại kéo tay bà:

— Tôi biết bà định làm gì. Bà đại lắm, bà sắp đánh con Thanh Uy phải không? Thật là may mà tôi còn ở đây để ngăn bà. Thanh Uy là một con gà chết. Nó mới bị té trầy mắt tuần trước và nài của nó thì mới ốm dậy, bà có biết điều đó không?

— Không... Nhưng nhà tôi dận...

— Ông ấy hả. Ông ấy đâu có biết gì, Lần này thì phải đánh con Thụy Hằng. Con này là ngựa nổi của giòng họ Nguyễn Đình. Tôi biết rõ con này như ngựa của nhà vậy. Tôi thì có kinh nghiệm nên tôi khuyến bà thế thôi. Bà có quyền không nghe. Bà thừa tiền bà muốn đánh con Thanh Uy thì tùy bà.

Như đã nói, người đàn bà vốn cá nghe, nên cuối cùng lại đánh con Thụy Hằng. Và kết quả lần này con Thanh Uy về nhất. Người chồng thấy vợ trở về mặt tiêu nghiến bên nói:

— Sao mặt em ỉu xiu vậy. Lần này chúng mình trúng rồi mà.

— Mình không trúng đâu anh ạ. Cái người đội mũ khuyến em đánh con Thụy Hằng và em đã nghe lời y.

Người chồng gào lên:

— Trời ơi sao mà ngờ ngẩn thế.

Lâu sau không bao giờ anh cho em đi với anh nữa. Ở đây ai hiểu ngựa hơn anh? Em hay là anh. Em không biết gì thì ít nhất em phải nghe lời anh chứ.

Hắn nhún vai, móc ví và nói:

— Đây em cầm lấy một trăm xuống mua cho anh một chai nước cam.

Người vợ cầm tiền ngoan ngoãn quay đi. Lát sau bà trở lại trên tay cầm một chai CocaCola.

Người chồng nhăn mặt:

— Anh bảo em mua cho anh nước cam cơ mà!

Người vợ cúi gầm mặt:

— Em có nghe, nhưng xuống dưới nhà em lại gặp người đàn ông đội mũ.

SAY

Thái và Tuấn dắt nhau đi nhậu nhét thật vui hai người nhậu lại rai tới gần 12 giờ đêm mới trở về.

Thái tương đối còn tỉnh hơn nên đưa Tuấn về tận nhà. Tới cổng Tuấn lễ nhè nói:

— Còn sớm hãy vào đây thăm nhà tôi cái đã. Nhà mới sửa xong tuần trước, đẹp lắm.

Chiều bạn Thái theo vào, quả thực nhà Tuấn đẹp quá. Hai người lần lượt thăm thú từng phòng. Tuấn lễ nhè giới thiệu:

— Anh coi, đây là phòng khách... Đây là phòng ăn... Đây nhà bếp... Đây, là phòng ngủ.

Tuấn dơ tay lên bật đèn:

— Anh coi giường đẹp không? ... Người đàn bà nằm trên giường đang ngủ là vợ tôi...

Anh nháy nháy mắt nói tiếp:

— Còn người đàn ông nằm cạnh nhà tôi là tôi đây.

CHỮ TƯỢNG HÌNH

Chuyện xảy ra trong một lớp học thời thượng cổ Ai Cập, Cổ nhiên khi đó chưa có chữ loằng ngoằng như chữ Ai Cập bây giờ hoặc các mẫu tự La Mã. Họ học bằng chữ tượng hình.

Giáo sư đang đọc chính tả:

— Dân tộc Ai Cập là dân tộc anh dũng cường tráng nhất...

Học sinh lúi húi khắc trên bảng đá những chiến sĩ khỏe mạnh bắp thịt nở nang.

Giáo sư nói tiếp:

— Trong khi các dân tộc khác thì yếu đuối, ẻo lả, bất lực...

Học sinh lại cầm củi khắc những thân hình gầy gò. Chợt một học sinh từ cuối lớp dơ tay đứng lên hỏi:

— Thưa giáo sư, viết thế nào? Viết một ngoại thiện hay là không có.